

**Danh sách Bộ Khoa học và Công nghệ (VNNIC) giữ chỗ, bảo vệ**

<b>STT</b>	<b>Nhãn</b>	<b>Ghi chú</b>
1	baibanthan	Biên giới, hải đảo
2	baicaimep	Biên giới, hải đảo
3	baicancamau	Biên giới, hải đảo
4	baicanhduong	Biên giới, hải đảo
5	baichaunhai	Biên giới, hải đảo
6	baicomay	Biên giới, hải đảo
7	baidabac	Biên giới, hải đảo
8	baidenpha	Biên giới, hải đảo
9	baidinhba	Biên giới, hải đảo
10	baidoban	Biên giới, hải đảo
11	baidoimoi	Biên giới, hải đảo
12	baidongcam	Biên giới, hải đảo
13	baidonggiua	Biên giới, hải đảo
14	baidongson	Biên giới, hải đảo
15	baidongthanh	Biên giới, hải đảo
16	baiduong	Biên giới, hải đảo
17	baigonoi	Biên giới, hải đảo
18	baihaisam	Biên giới, hải đảo
19	baihaiyen	Biên giới, hải đảo
20	baihuudo	Biên giới, hải đảo
21	baihuyentran	Biên giới, hải đảo
22	baikieungua	Biên giới, hải đảo
23	bailoaitanam	Biên giới, hải đảo
24	bainakhoai	Biên giới, hải đảo
25	bainam	Biên giới, hải đảo

26	baingamchimbien	Biên giới, hải đảo
27	baingamkhanhhoi	Biên giới, hải đảo
28	baingammyhai	Biên giới, hải đảo
29	baingamnguphung	Biên giới, hải đảo
30	baingamnguyetsuong	Biên giới, hải đảo
31	baingamnguyetxuong	Biên giới, hải đảo
32	baingamtamthanh	Biên giới, hải đảo
33	baingubinh	Biên giới, hải đảo
34	bainuicau	Biên giới, hải đảo
35	baioctaivoi	Biên giới, hải đảo
36	baionthuy	Biên giới, hải đảo
37	baiphucnguyen	Biên giới, hải đảo
38	baiphumy	Biên giới, hải đảo
39	baiquangngai	Biên giới, hải đảo
40	baiqueduong	Biên giới, hải đảo
41	bairachlap	Biên giới, hải đảo
42	bairachvang	Biên giới, hải đảo
43	baisabin	Biên giới, hải đảo
44	baisuoinga	Biên giới, hải đảo
45	baithachsa	Biên giới, hải đảo
46	baithamhiem	Biên giới, hải đảo
47	baithanlong	Biên giới, hải đảo
48	baithuyenchai	Biên giới, hải đảo
49	baithuyte	Biên giới, hải đảo
50	baitomuoi	Biên giới, hải đảo
51	baitrangkhuyet	Biên giới, hải đảo
52	baituchinh	Biên giới, hải đảo
53	baivinhtuy	Biên giới, hải đảo

54	baivungmay	Biên giới, hải đảo
55	baixacu	Biên giới, hải đảo
56	bangioc	Biên giới, hải đảo
57	biendong	Biên giới, hải đảo
58	binhlong	Biên giới, hải đảo
59	catba	Biên giới, hải đảo
60	concatbac	Biên giới, hải đảo
61	concatnam	Biên giới, hải đảo
62	concattay	Biên giới, hải đảo
63	concattrung	Biên giới, hải đảo
64	conden	Biên giới, hải đảo
65	conlin	Biên giới, hải đảo
66	conlu	Biên giới, hải đảo
67	conmo	Biên giới, hải đảo
68	congan	Biên giới, hải đảo
69	congang	Biên giới, hải đảo
70	conngheu	Biên giới, hải đảo
71	connieu	Biên giới, hải đảo
72	connoi	Biên giới, hải đảo
73	conthu	Biên giới, hải đảo
74	convanh	Biên giới, hải đảo
75	conxanh	Biên giới, hải đảo
76	culaocau	Biên giới, hải đảo
77	culaomainha	Biên giới, hải đảo
78	culaore	Biên giới, hải đảo
79	culaotao	Biên giới, hải đảo
80	cumgar	Biên giới, hải đảo
81	daanbinh	Biên giới, hải đảo

82	daanlao	Biên giới, hải đảo
83	daannhon	Biên giới, hải đảo
84	daannhonbac	Biên giới, hải đảo
85	daannhonnam	Biên giới, hải đảo
86	dabadau	Biên giới, hải đảo
87	dabaikhung	Biên giới, hải đảo
88	dabanthan	Biên giới, hải đảo
89	dabia	Biên giới, hải đảo
90	dabinhkhe	Biên giới, hải đảo
91	dabinhson	Biên giới, hải đảo
92	dabode	Biên giới, hải đảo
93	dabongbay	Biên giới, hải đảo
94	dacanhham	Biên giới, hải đảo
95	dacavung	Biên giới, hải đảo
96	dachauvien	Biên giới, hải đảo
97	dachava	Biên giới, hải đảo
98	dachimien	Biên giới, hải đảo
99	dachuthap	Biên giới, hải đảo
100	dacomy	Biên giới, hải đảo
101	dacongdo	Biên giới, hải đảo
102	daconlin	Biên giới, hải đảo
103	dadencayco	Biên giới, hải đảo
104	daduchoa	Biên giới, hải đảo
105	daenca	Biên giới, hải đảo
106	daendat	Biên giới, hải đảo
107	dagacma	Biên giới, hải đảo
108	dagaven	Biên giới, hải đảo
109	dagogia	Biên giới, hải đảo

110	dahaisam	Biên giới, hải đảo
111	dahoaian	Biên giới, hải đảo
112	dahoalau	Biên giới, hải đảo
113	dahopkim	Biên giới, hải đảo
114	dakennam	Biên giới, hải đảo
115	dakhucgiac	Biên giới, hải đảo
116	dakrlap	Biên giới, hải đảo
117	dakyvan	Biên giới, hải đảo
118	dalac	Biên giới, hải đảo
119	dalendao	Biên giới, hải đảo
120	daloi	Biên giới, hải đảo
121	dalon	Biên giới, hải đảo
122	dalongdien	Biên giới, hải đảo
123	damovit	Biên giới, hải đảo
124	danam	Biên giới, hải đảo
125	danghiahanh	Biên giới, hải đảo
126	danhangia	Biên giới, hải đảo
127	danho	Biên giới, hải đảo
128	daninhhoa	Biên giới, hải đảo
129	danuico	Biên giới, hải đảo
130	danuile	Biên giới, hải đảo
131	danuimon	Biên giới, hải đảo
132	danuithi	Biên giới, hải đảo
133	daoanbang	Biên giới, hải đảo
134	daobaba	Biên giới, hải đảo
135	daobabinh	Biên giới, hải đảo
136	daobac	Biên giới, hải đảo
137	daobachlongvi	Biên giới, hải đảo

138	daobachquy	Biên giới, hải đảo
139	daobenlac	Biên giới, hải đảo
140	daobienson	Biên giới, hải đảo
141	daobinhba	Biên giới, hải đảo
142	daobinhhung	Biên giới, hải đảo
143	daobinhnguyen	Biên giới, hải đảo
144	daocaibau	Biên giới, hải đảo
145	daocatba	Biên giới, hải đảo
146	daocay	Biên giới, hải đảo
147	daochangngo	Biên giới, hải đảo
148	daochuthap	Biên giới, hải đảo
149	daoconco	Biên giới, hải đảo
150	daocongdo	Biên giới, hải đảo
151	daocoto	Biên giới, hải đảo
152	daoda	Biên giới, hải đảo
153	daodaanbinh	Biên giới, hải đảo
154	daodaanlao	Biên giới, hải đảo
155	daodaannhon	Biên giới, hải đảo
156	daodaannhonbac	Biên giới, hải đảo
157	daodaannhonnam	Biên giới, hải đảo
158	daodabac	Biên giới, hải đảo
159	daodabaco	Biên giới, hải đảo
160	daodabadau	Biên giới, hải đảo
161	daodabaikhung	Biên giới, hải đảo
162	daodabanthan	Biên giới, hải đảo
163	daodabia	Biên giới, hải đảo
164	daodabinhkhe	Biên giới, hải đảo
165	daodabinhson	Biên giới, hải đảo

166	daodabode	Biên giới, hải đảo
167	daodabongbay	Biên giới, hải đảo
168	daodacaivung	Biên giới, hải đảo
169	daodacanhham	Biên giới, hải đảo
170	daodachauvien	Biên giới, hải đảo
171	daodachava	Biên giới, hải đảo
172	daodachimen	Biên giới, hải đảo
173	daodacolin	Biên giới, hải đảo
174	daodacomy	Biên giới, hải đảo
175	daodacongdo	Biên giới, hải đảo
176	daodadencayco	Biên giới, hải đảo
177	daodadinhtuong	Biên giới, hải đảo
178	daodadong	Biên giới, hải đảo
179	daodaduchoa	Biên giới, hải đảo
180	daodaenca	Biên giới, hải đảo
181	daodaendat	Biên giới, hải đảo
182	daodagacma	Biên giới, hải đảo
183	daodagaven	Biên giới, hải đảo
184	daodagogia	Biên giới, hải đảo
185	daodahaisam	Biên giới, hải đảo
186	daodahoa	Biên giới, hải đảo
187	daodahoaian	Biên giới, hải đảo
188	daodahoalau	Biên giới, hải đảo
189	daodahoiduc	Biên giới, hải đảo
190	daodahopkim	Biên giới, hải đảo
191	daodakennan	Biên giới, hải đảo
192	daodakhucgiac	Biên giới, hải đảo
193	daodakieungua	Biên giới, hải đảo

194	daodakyvan	Biên giới, hải đảo
195	daodalac	Biên giới, hải đảo
196	daodalat	Biên giới, hải đảo
197	daodalendao	Biên giới, hải đảo
198	daodaloi	Biên giới, hải đảo
199	daodalon	Biên giới, hải đảo
200	daodalongdien	Biên giới, hải đảo
201	daodamovit	Biên giới, hải đảo
202	daodanam	Biên giới, hải đảo
203	daodanghiahanh	Biên giới, hải đảo
204	daodanhangia	Biên giới, hải đảo
205	daodanho	Biên giới, hải đảo
206	daodaninhco	Biên giới, hải đảo
207	daodaninhhoa	Biên giới, hải đảo
208	daodanuico	Biên giới, hải đảo
209	daodanuile	Biên giới, hải đảo
210	daodanuimon	Biên giới, hải đảo
211	daodanuithi	Biên giới, hải đảo
212	daodaphucsi	Biên giới, hải đảo
213	daodasaclot	Biên giới, hải đảo
214	daodasahuynh	Biên giới, hải đảo
215	daodasonha	Biên giới, hải đảo
216	daodasonky	Biên giới, hải đảo
217	daodasuoiat	Biên giới, hải đảo
218	daodasuoiingoc	Biên giới, hải đảo
219	daodatamtrung	Biên giới, hải đảo
220	daodatanchau	Biên giới, hải đảo
221	daodatay	Biên giới, hải đảo

222	daodataynam	Biên giới, hải đảo
223	daodathanhky	Biên giới, hải đảo
224	daodatiennu	Biên giới, hải đảo
225	daodatrakhuc	Biên giới, hải đảo
226	daodatramduc	Biên giới, hải đảo
227	daodatratay	Biên giới, hải đảo
228	daodatriemduc	Biên giới, hải đảo
229	daodatrile	Biên giới, hải đảo
230	daodatrungle	Biên giới, hải đảo
231	daodatuongnghia	Biên giới, hải đảo
232	daodatunghia	Biên giới, hải đảo
233	daodavanhkhan	Biên giới, hải đảo
234	daodavannguyen	Biên giới, hải đảo
235	daodavikhe	Biên giới, hải đảo
236	daodavinhhao	Biên giới, hải đảo
237	daodavinhop	Biên giới, hải đảo
238	daodavinhtuong	Biên giới, hải đảo
239	daodaxubi	Biên giới, hải đảo
240	daodongrui	Biên giới, hải đảo
241	daoduymong	Biên giới, hải đảo
242	daohamai	Biên giới, hải đảo
243	daohonkhoai	Biên giới, hải đảo
244	daohuunhat	Biên giới, hải đảo
245	daokega	Biên giới, hải đảo
246	daokhi	Biên giới, hải đảo
247	daolanchau	Biên giới, hải đảo
248	daolinhcon	Biên giới, hải đảo
249	daoloaita	Biên giới, hải đảo

250	daoloaitay	Biên giới, hải đảo
251	daolongson	Biên giới, hải đảo
252	daoluoliem	Biên giới, hải đảo
253	daolyson	Biên giới, hải đảo
254	daominhchau	Biên giới, hải đảo
255	daomygiang	Biên giới, hải đảo
256	daonam	Biên giới, hải đảo
257	daonamyet	Biên giới, hải đảo
258	daongocvung	Biên giới, hải đảo
259	daochoa	Biên giới, hải đảo
260	daophanvinh	Biên giới, hải đảo
261	daophattu	Biên giới, hải đảo
262	daophulam	Biên giới, hải đảo
263	daoquanganh	Biên giới, hải đảo
264	daoquanghoa	Biên giới, hải đảo
265	daoquanlan	Biên giới, hải đảo
266	daosinhton	Biên giới, hải đảo
267	daosinhtondong	Biên giới, hải đảo
268	daosonca	Biên giới, hải đảo
269	daosonduong	Biên giới, hải đảo
270	daosongtudong	Biên giới, hải đảo
271	daosup	Biên giới, hải đảo
272	daotamhai	Biên giới, hải đảo
273	daothachan	Biên giới, hải đảo
274	daothevang	Biên giới, hải đảo
275	daothitu	Biên giới, hải đảo
276	daothoixanh	Biên giới, hải đảo
277	daothuongmai	Biên giới, hải đảo

278	daotoctan	Biên giới, hải đảo
279	daotraban	Biên giới, hải đảo
280	daotringuyen	Biên giới, hải đảo
281	daotriton	Biên giới, hải đảo
282	daotrung	Biên giới, hải đảo
283	daotruongsadong	Biên giới, hải đảo
284	daotuanchau	Biên giới, hải đảo
285	daovancanh	Biên giới, hải đảo
286	daovinhvien	Biên giới, hải đảo
287	daphattu	Biên giới, hải đảo
288	daphucsi	Biên giới, hải đảo
289	dasaclot	Biên giới, hải đảo
290	dasahuynh	Biên giới, hải đảo
291	dasonha	Biên giới, hải đảo
292	dasonky	Biên giới, hải đảo
293	dasuoica	Biên giới, hải đảo
294	dasuoingoc	Biên giới, hải đảo
295	datamtrung	Biên giới, hải đảo
296	datanchau	Biên giới, hải đảo
297	datay	Biên giới, hải đảo
298	dataynam	Biên giới, hải đảo
299	dathanhky	Biên giới, hải đảo
300	dathuyenchai	Biên giới, hải đảo
301	datiennu	Biên giới, hải đảo
302	datoctan	Biên giới, hải đảo
303	datrakhuc	Biên giới, hải đảo
304	datramduc	Biên giới, hải đảo
305	datratay	Biên giới, hải đảo

306	datrile	Biên giới, hải đảo
307	datrungle	Biên giới, hải đảo
308	datruongnghia	Biên giới, hải đảo
309	datunghia	Biên giới, hải đảo
310	davanhkhan	Biên giới, hải đảo
311	davannguyen	Biên giới, hải đảo
312	davikhe	Biên giới, hải đảo
313	davinhhao	Biên giới, hải đảo
314	davinhhop	Biên giới, hải đảo
315	davinhtuong	Biên giới, hải đảo
316	daxubi	Biên giới, hải đảo
317	eahleo	Biên giới, hải đảo
318	gacma	Biên giới, hải đảo
319	gianghia	Biên giới, hải đảo
320	gogang	Biên giới, hải đảo
321	hamon	Biên giới, hải đảo
322	honba	Biên giới, hải đảo
323	honbang	Biên giới, hải đảo
324	honbip	Biên giới, hải đảo
325	honcan	Biên giới, hải đảo
326	honcau	Biên giới, hải đảo
327	honchala	Biên giới, hải đảo
328	honcho	Biên giới, hải đảo
329	honchopcon	Biên giới, hải đảo
330	honchopme	Biên giới, hải đảo
331	honchua	Biên giới, hải đảo
332	honchuoii	Biên giới, hải đảo
333	honchut	Biên giới, hải đảo

334	honconchim	Biên giới, hải đảo
335	honcontrau	Biên giới, hải đảo
336	hondabac	Biên giới, hải đảo
337	hondau	Biên giới, hải đảo
338	honden	Biên giới, hải đảo
339	hondo	Biên giới, hải đảo
340	hondoi	Biên giới, hải đảo
341	hondun	Biên giới, hải đảo
342	hondung	Biên giới, hải đảo
343	honen	Biên giới, hải đảo
344	honghenh	Biên giới, hải đảo
345	honhaidang	Biên giới, hải đảo
346	honhainguu	Biên giới, hải đảo
347	honkho	Biên giới, hải đảo
348	honla	Biên giới, hải đảo
349	honlang	Biên giới, hải đảo
350	honlao	Biên giới, hải đảo
351	honlap	Biên giới, hải đảo
352	honlon	Biên giới, hải đảo
353	honmai	Biên giới, hải đảo
354	honman	Biên giới, hải đảo
355	honmang	Biên giới, hải đảo
356	honmat	Biên giới, hải đảo
357	honme	Biên giới, hải đảo
358	honmieu	Biên giới, hải đảo
359	honmot	Biên giới, hải đảo
360	honmun	Biên giới, hải đảo
361	honmuu	Biên giới, hải đảo

362	honne	Biên giới, hải đảo
363	honnghe	Biên giới, hải đảo
364	honngoai	Biên giới, hải đảo
365	honngondua	Biên giới, hải đảo
366	honngu	Biên giới, hải đảo
367	honnoc	Biên giới, hải đảo
368	honnoi	Biên giới, hải đảo
369	honnom	Biên giới, hải đảo
370	honnua	Biên giới, hải đảo
371	honnuc	Biên giới, hải đảo
372	honnuoc	Biên giới, hải đảo
373	honoan	Biên giới, hải đảo
374	honong	Biên giới, hải đảo
375	honongcan	Biên giới, hải đảo
376	honongco	Biên giới, hải đảo
377	honqueo	Biên giới, hải đảo
378	honrai	Biên giới, hải đảo
379	honro	Biên giới, hải đảo
380	honrua	Biên giới, hải đảo
381	honseo	Biên giới, hải đảo
382	honsoatra	Biên giới, hải đảo
383	hontai	Biên giới, hải đảo
384	honthan	Biên giới, hải đảo
385	honthap	Biên giới, hải đảo
386	honthi	Biên giới, hải đảo
387	hontre	Biên giới, hải đảo
388	hontri	Biên giới, hải đảo
389	hontuan	Biên giới, hải đảo

390	honvung	Biên giới, hải đảo
391	honvungchua	Biên giới, hải đảo
392	krongbulk	Biên giới, hải đảo
393	krongchro	Biên giới, hải đảo
394	longxuyen	Biên giới, hải đảo
395	lungcu	Biên giới, hải đảo
396	mdrak	Biên giới, hải đảo
397	mocbai	Biên giới, hải đảo
398	mongcai	Biên giới, hải đảo
399	muinghinhphong	Biên giới, hải đảo
400	muiocap	Biên giới, hải đảo
401	nhattuson	Biên giới, hải đảo
402	quandaoanthoi	Biên giới, hải đảo
403	quandaobalua	Biên giới, hải đảo
404	quandaocatba	Biên giới, hải đảo
405	quandaocondao	Biên giới, hải đảo
406	quandaohaitac	Biên giới, hải đảo
407	quandaohatien	Biên giới, hải đảo
408	quandaohoangsa	Biên giới, hải đảo
409	quandaolongchau	Biên giới, hải đảo
410	quandaonamdu	Biên giới, hải đảo
411	quandaothochu	Biên giới, hải đảo
412	rachgia	Biên giới, hải đảo
413	sadec	Biên giới, hải đảo
414	tanan	Biên giới, hải đảo
415	tinhbien	Biên giới, hải đảo
416	truongsa	Biên giới, hải đảo
417	vinhbacbo	Biên giới, hải đảo

418	hoangsa	Biên giới, hải đảo
419	taysa	Biên giới, hải đảo
420	namsa	Biên giới, hải đảo
421	paracel	Biên giới, hải đảo
422	spratly	Biên giới, hải đảo
423	spratlys	Biên giới, hải đảo
424	xisha	Biên giới, hải đảo
425	nansha	Biên giới, hải đảo
426	sansha	Biên giới, hải đảo
427	tamsa	Biên giới, hải đảo
428	paracels	Biên giới, hải đảo
429	sprarly	Biên giới, hải đảo
430	daohoangsa	Biên giới, hải đảo
431	quandaotruongsa	Biên giới, hải đảo
432	paracelislands	Biên giới, hải đảo
433	spratlyislands	Biên giới, hải đảo
434	Hònla	Biên giới, hải đảo
435	Hòngió	Biên giới, hải đảo
436	Hònchùa	Biên giới, hải đảo
437	Hònvụngchùa	Biên giới, hải đảo
438	Hònúc	Biên giới, hải đảo
439	Đảocônco	Biên giới, hải đảo
440	Hònsontrà	Biên giới, hải đảo
441	Bãi-Trăngkhuyết	Biên giới, hải đảo
442	Bãi-Ngâmngũphụng	Biên giới, hải đảo
443	Bãi-Ngâmtamthanh	Biên giới, hải đảo
444	Bãi-Ngâmkhánhội	Biên giới, hải đảo
445	Đảo-Bìnhnguyên	Biên giới, hải đảo

446	Đảo-Vĩnhviễn	Biên giới, hải đảo
447	Cònngạn	Biên giới, hải đảo
448	Còn xanh	Biên giới, hải đảo
449	Còn mò	Biên giới, hải đảo
450	Còn nôi	Biên giới, hải đảo
451	Hòn nẹ	Biên giới, hải đảo
452	Hòn mê	Biên giới, hải đảo
453	Đảo biệnsơn	Biên giới, hải đảo
454	Hòn ngư	Biên giới, hải đảo
455	Hòn chó	Biên giới, hải đảo
456	Hòn mắt	Biên giới, hải đảo
457	Đảo lanchâu	Biên giới, hải đảo
458	Còn niêu	Biên giới, hải đảo
459	Hòn tuần	Biên giới, hải đảo
460	Hòn mạn	Biên giới, hải đảo
461	Hòn én	Biên giới, hải đảo
462	Hòn ỏn	Biên giới, hải đảo
463	Đảo sớndương	Biên giới, hải đảo
464	Hòn conchim	Biên giới, hải đảo
465	Hòn hảiđăng	Biên giới, hải đảo
466	Hòn nôm	Biên giới, hải đảo
467	Hòn lạp	Biên giới, hải đảo
468	Hòn chópme	Biên giới, hải đảo
469	Hòn chópcon	Biên giới, hải đảo
470	Đảo-Sớndương	Biên giới, hải đảo
471	Hòn-Conchim	Biên giới, hải đảo
472	Hòn-Hảiđăng	Biên giới, hải đảo
473	Hòn-Nôm	Biên giới, hải đảo

474	Hòn-Lạp	Biên giới, hải đảo
475	Hòn-Chópme	Biên giới, hải đảo
476	Hòn-Chópcon	Biên giới, hải đảo
477	Hòn-La	Biên giới, hải đảo
478	Hòn-Gió	Biên giới, hải đảo
479	Hòn-Chùa	Biên giới, hải đảo
480	Hòn-Vụngchùa	Biên giới, hải đảo
481	Hòn-Núc	Biên giới, hải đảo
482	Đảo-CônCỏ	Biên giới, hải đảo
483	Hòn-Sontra	Biên giới, hải đảo
484	Hòn-Đôi	Biên giới, hải đảo
485	Hòn-Ông	Biên giới, hải đảo
486	Hòn-Trì	Biên giới, hải đảo
487	Hòn-Bịp	Biên giới, hải đảo
488	Hòn-Vung	Biên giới, hải đảo
489	Hòn-Me	Biên giới, hải đảo
490	Hòn-Mài	Biên giới, hải đảo
491	Hòn-Đen	Biên giới, hải đảo
492	Hòn-Lớn	Biên giới, hải đảo
493	Hòn-Tai	Biên giới, hải đảo
494	Hòn-Quéo	Biên giới, hải đảo
495	Đaocátbà	Biên giới, hải đảo
496	Quãndaocátbà	Biên giới, hải đảo
497	Quãndaolongchâu	Biên giới, hải đảo
498	Đaobachlongvĩ	Biên giới, hải đảo
499	Hòndáu	Biên giới, hải đảo
500	Cônđen	Biên giới, hải đảo
501	Cônvánh	Biên giới, hải đảo

502	Cònthủ	Biên giới, hải đảo
503	Cònlu	Biên giới, hải đảo
504	Đảođátrunglễ	Biên giới, hải đảo
505	Đá-Trunglễ	Biên giới, hải đảo
506	Đảo-Đávànhkhăn	Biên giới, hải đảo
507	Đá-Vànhkhăn	Biên giới, hải đảo
508	Đảo-Đávĩnhhợp	Biên giới, hải đảo
509	Đá-Vĩnhhợp	Biên giới, hải đảo
510	Đảo-Đávĩnhtrường	Biên giới, hải đảo
511	Đá-Vĩnhtrường	Biên giới, hải đảo
512	Bãi-Cámép	Biên giới, hải đảo
513	Bãi-Cỏmay	Biên giới, hải đảo
514	Quầnđảo-Cátbà	Biên giới, hải đảo
515	Quầnđảo-Longchâu	Biên giới, hải đảo
516	Đálenđao	Biên giới, hải đảo
517	Đảođánghĩahành	Biên giới, hải đảo
518	Đánghĩahành	Biên giới, hải đảo
519	Đảođánhạngia	Biên giới, hải đảo
520	Đánhạngia	Biên giới, hải đảo
521	Đảođáninhhòa	Biên giới, hải đảo
522	Đáninhhòa	Biên giới, hải đảo
523	Đảođáphúcsĩ	Biên giới, hải đảo
524	Đảođábìnhkhê	Biên giới, hải đảo
525	Đábìnhkhê	Biên giới, hải đảo
526	Đảođábìnhson	Biên giới, hải đảo
527	Đábìnhson	Biên giới, hải đảo
528	Đảođácôlin	Biên giới, hải đảo
529	Đácôlin	Biên giới, hải đảo

530	Côlin	Biên giới, hải đảo
531	Đảođáđứchoa	Biên giới, hải đảo
532	Đáđứchòa	Biên giới, hải đảo
533	Đảođágacma	Biên giới, hải đảo
534	Gacma	Biên giới, hải đảo
535	Đágacma	Biên giới, hải đảo
536	Đảođákennan	Biên giới, hải đảo
537	Đảobaba	Biên giới, hải đảo
538	Đảobachquy	Biên giới, hải đảo
539	Đảo-Bạchlongvĩ	Biên giới, hải đảo
540	Hòn-Dáu	Biên giới, hải đảo
541	Còn-Đen	Biên giới, hải đảo
542	Còn-Vành	Biên giới, hải đảo
543	Còn-Thủ	Biên giới, hải đảo
544	Còn-Lu	Biên giới, hải đảo
545	Còn-Ngan	Biên giới, hải đảo
546	Còn-Xanh	Biên giới, hải đảo
547	Còn-Mờ	Biên giới, hải đảo
548	Còn-Nổi	Biên giới, hải đảo
549	Hòn-Nẹ	Biên giới, hải đảo
550	Hòn-Mê	Biên giới, hải đảo
551	Đảo-Biếnson	Biên giới, hải đảo
552	Hòn-Ngr	Biên giới, hải đảo
553	Hòn-Chó	Biên giới, hải đảo
554	Hòn-Mắt	Biên giới, hải đảo
555	Đảo-Lanchâu	Biên giới, hải đảo
556	Còn-Niêu	Biên giới, hải đảo
557	Hòn-Tuần	Biên giới, hải đảo

558	Hòn-Mạn	Biên giới, hải đảo
559	Hòn-Én	Biên giới, hải đảo
560	Hòn-Oản	Biên giới, hải đảo
561	HònBíp	Biên giới, hải đảo
562	HònVung	Biên giới, hải đảo
563	Hònme	Biên giới, hải đảo
564	HònMài	Biên giới, hải đảo
565	HònĐen	Biên giới, hải đảo
566	HònLớn	Biên giới, hải đảo
567	HònTai	Biên giới, hải đảo
568	HònQuéo	Biên giới, hải đảo
569	HònĐỏ	Biên giới, hải đảo
570	HònThị	Biên giới, hải đảo
571	HònChàlà	Biên giới, hải đảo
572	ĐảoKhí	Biên giới, hải đảo
573	HònMát	Biên giới, hải đảo
574	HònMột	Biên giới, hải đảo
575	ĐảoTrínguyên	Biên giới, hải đảo
576	HònTầm	Biên giới, hải đảo
577	HònMun	Biên giới, hải đảo
578	ĐácáVung	Biên giới, hải đảo
579	ĐảoĐáhoàian	Biên giới, hải đảo
580	Đáhoàian	Biên giới, hải đảo
581	ĐảoĐátrâmđức	Biên giới, hải đảo
582	Đátrâmđức	Biên giới, hải đảo
583	ĐảoĐátrilê	Biên giới, hải đảo
584	Đátrilê	Biên giới, hải đảo
585	ĐảoĐáVĩnhhảo	Biên giới, hải đảo

586	Đávĩnhhảo	Biên giới, hải đảo
587	Đảođáxubi	Biên giới, hải đảo
588	Đáxubi	Biên giới, hải đảo
589	Đảobếnlạc	Biên giới, hải đảo
590	Đảoloạita	Biên giới, hải đảo
591	Đảoloạitây	Biên giới, hải đảo
592	Đảođáanlão	Biên giới, hải đảo
593	Đáanlão	Biên giới, hải đảo
594	Đảođáannhon	Biên giới, hải đảo
595	Đáannhon	Biên giới, hải đảo
596	Đảođáannhonbạc	Biên giới, hải đảo
597	Đáannhonbạc	Biên giới, hải đảo
598	Đảođáannhonnam	Biên giới, hải đảo
599	Đáannhonnam	Biên giới, hải đảo
600	Đảođásahuỳnh	Biên giới, hải đảo
601	Đásahuỳnh	Biên giới, hải đảo
602	Đảođábãikhung	Biên giới, hải đảo
603	Đábãikhung	Biên giới, hải đảo
604	Đảođábia	Biên giới, hải đảo
605	Đábia	Biên giới, hải đảo
606	Đákennan	Biên giới, hải đảo
607	Đảođálenđao	Biên giới, hải đảo
608	Hòn nội	Biên giới, hải đảo
609	Hòn ngoại	Biên giới, hải đảo
610	Đảobinhba	Biên giới, hải đảo
611	Hònchut	Biên giới, hải đảo
612	Đá-Suối cá	Biên giới, hải đảo
613	Đảo-Đáthanhkỳ	Biên giới, hải đảo

614	Đá-Thanhkỳ	Biên giới, hải đảo
615	Bãi-Thuyềnchài	Biên giới, hải đảo
616	Đá-Thuyềnchài	Biên giới, hải đảo
617	Bãi-Phùmỹ	Biên giới, hải đảo
618	Bãi-Thámhiêm	Biên giới, hải đảo
619	Đảo-Đáđịnhhường	Biên giới, hải đảo
620	Đá-Phậttử	Biên giới, hải đảo
621	Đảo-Đásuốingọc	Biên giới, hải đảo
622	Đá-Suốingọc	Biên giới, hải đảo
623	Đảo-Đátâynam	Biên giới, hải đảo
624	Đá-Tâynam	Biên giới, hải đảo
625	Hòn-Thị	Biên giới, hải đảo
626	Hòn-Chàlà	Biên giới, hải đảo
627	Đảo-Khi	Biên giới, hải đảo
628	Hòn-Mát	Biên giới, hải đảo
629	Hòn-Một	Biên giới, hải đảo
630	Đảo-Trínguyên	Biên giới, hải đảo
631	Hòn-Tầm	Biên giới, hải đảo
632	Hòn-Mun	Biên giới, hải đảo
633	Hòn-Nội	Biên giới, hải đảo
634	Hòn-Ngoại	Biên giới, hải đảo
635	Đảo-Binhba	Biên giới, hải đảo
636	Hòn-Chut	Biên giới, hải đảo
637	Cu-Lao-Chàm	Biên giới, hải đảo
638	Cù-Lao-Ré	Biên giới, hải đảo
639	Đảo-Lýson	Biên giới, hải đảo
640	Cù-Lao-Xanh	Biên giới, hải đảo
641	Hòn-Cân	Biên giới, hải đảo

642	Hòn-Sẹo	Biên giới, hải đảo
643	Hòn-Khô	Biên giới, hải đảo
644	Hòn-Contrâu	Biên giới, hải đảo
645	Đảo-Đátrátây	Biên giới, hải đảo
646	Đảo-Đátrungnghĩa	Biên giới, hải đảo
647	Bãi-Châunhai	Biên giới, hải đảo
648	Bãi-Đềnpha	Biên giới, hải đảo
649	Bãi-Gònôi	Biên giới, hải đảo
650	Đảotrung	Biên giới, hải đảo
651	Cònátbạc	Biên giới, hải đảo
652	Cònátnam	Biên giới, hải đảo
653	Cònátây	Biên giới, hải đảo
654	Cònáttrung	Biên giới, hải đảo
655	Hòntháp	Biên giới, hải đảo
656	Đáôngbay	Biên giới, hải đảo
657	Đảođáchimén	Biên giới, hải đảo
658	Đảođáhaisâm	Biên giới, hải đảo
659	Đảođálôi	Biên giới, hải đảo
660	Đảođásonkỳ	Biên giới, hải đảo
661	Đảođátrátây	Biên giới, hải đảo
662	Đảođátrungnghĩa	Biên giới, hải đảo
663	Bãichâunhai	Biên giới, hải đảo
664	Bãidềnpha	Biên giới, hải đảo
665	Bãigònôi	Biên giới, hải đảo
666	Bãingựbình	Biên giới, hải đảo
667	Bãiổctaivoi	Biên giới, hải đảo
668	Bãiquảngnghĩa	Biên giới, hải đảo
669	Bãithuytê	Biên giới, hải đảo

670	Bãixàcù	Biên giới, hải đảo
671	Đaosongtửđông	Biên giới, hải đảo
672	Đaosongtửtây	Biên giới, hải đảo
673	Đánam	Biên giới, hải đảo
674	Đácánhám	Biên giới, hải đảo
675	Hòn-Ôngcăn	Biên giới, hải đảo
676	Hòn-Ôngcơ	Biên giới, hải đảo
677	Đảo-Tam-Hải	Biên giới, hải đảo
678	Hòn-Ngọngdừa	Biên giới, hải đảo
679	Hòn-Mang	Biên giới, hải đảo
680	Hòn-Rùa	Biên giới, hải đảo
681	Hòn-Nước	Biên giới, hải đảo
682	Hòn-Đụn	Biên giới, hải đảo
683	Hòn-Rớ	Biên giới, hải đảo
684	Cù-Lao-Mái-Nhà	Biên giới, hải đảo
685	Hòn-Than	Biên giới, hải đảo
686	Hònđôi	Biên giới, hải đảo
687	Hònông	Biên giới, hải đảo
688	Hòntrì	Biên giới, hải đảo
689	Đảo-Tuầnchâu	Biên giới, hải đảo
690	Đảo-Cáibầu	Biên giới, hải đảo
691	Đảo-Chàngngo	Biên giới, hải đảo
692	Cát-Bà	Biên giới, hải đảo
693	Đảo-Cátbà	Biên giới, hải đảo
694	Đảo-Đánhỏ	Biên giới, hải đảo
695	Đá-Nhỏ	Biên giới, hải đảo
696	Đảo-Đánúithị	Biên giới, hải đảo
697	Đá-Núithị	Biên giới, hải đảo

698	Bãi-Bànthan	Biên giới, hải đảo
699	Đảo-Đábànthan	Biên giới, hải đảo
700	Đá-Bànthan	Biên giới, hải đảo
701	Đảo-Sinhtôn	Biên giới, hải đảo
702	Đảo-Sinhtônđông	Biên giới, hải đảo
703	Đảo-Đáanbình	Biên giới, hải đảo
704	Đá-Anbình	Biên giới, hải đảo
705	Đảo-Đábađầu	Biên giới, hải đảo
706	Đá-Bađầu	Biên giới, hải đảo
707	Đảo-Đábãikhung	Biên giới, hải đảo
708	Đá-Bãikhung	Biên giới, hải đảo
709	Đảo-Đábia	Biên giới, hải đảo
710	Đá-Bia	Biên giới, hải đảo
711	Đảo-Đábìnhkhê	Biên giới, hải đảo
712	Đácomỹ	Biên giới, hải đảo
713	Đảođábacờ	Biên giới, hải đảo
714	Đábacờ	Biên giới, hải đảo
715	Đảođáchàvà	Biên giới, hải đảo
716	Đáchàvà	Biên giới, hải đảo
717	Đảođágògià	Biên giới, hải đảo
718	Đảođátâncâu	Biên giới, hải đảo
719	Đátâncâu	Biên giới, hải đảo
720	Bãiloaitanam	Biên giới, hải đảo
721	Đảobabinh	Biên giới, hải đảo
722	Đảonamyết	Biên giới, hải đảo
723	Đảosonca	Biên giới, hải đảo
724	Đảochữthập	Biên giới, hải đảo
725	Đáchữthập	Biên giới, hải đảo

726	Đảo Đá Đền Cây Cỏ	Biên giới, hải đảo
727	Đá Đền Cây Cỏ	Biên giới, hải đảo
728	Đảo Đá Đền Đất	Biên giới, hải đảo
729	Cù Lao Chàm	Biên giới, hải đảo
730	Cù Lao Ré	Biên giới, hải đảo
731	Đảo Lý Sơn	Biên giới, hải đảo
732	Cù Lao Xanh	Biên giới, hải đảo
733	Hòn Cân	Biên giới, hải đảo
734	Hòn Sẹo	Biên giới, hải đảo
735	Hòn Khô	Biên giới, hải đảo
736	Hòn Con Râu	Biên giới, hải đảo
737	Hòn Ông Cẩn	Biên giới, hải đảo
738	Hòn Ông Cơ	Biên giới, hải đảo
739	Đảo - Đá Hải Sâm	Biên giới, hải đảo
740	Đảo - Đá Lò	Biên giới, hải đảo
741	Đảo - Đá Sơn Kỳ	Biên giới, hải đảo
742	Đá - Bình Khê	Biên giới, hải đảo
743	Đảo - Đá Bình Sơn	Biên giới, hải đảo
744	Đá - Bình Sơn	Biên giới, hải đảo
745	Đảo - Đá Cô Lin	Biên giới, hải đảo
746	Đá - Cô Lin	Biên giới, hải đảo
747	Cô - Lin	Biên giới, hải đảo
748	Đảo - Đá Đứ Choa	Biên giới, hải đảo
749	Đá - Đứ Chòa	Biên giới, hải đảo
750	Đảo - Đá Gạc Ma	Biên giới, hải đảo
751	Gạc - Ma	Biên giới, hải đảo
752	Hòn - Đỏ	Biên giới, hải đảo
753	Đảo - Bình Hưng	Biên giới, hải đảo

754	Đảo-Mỹgiang	Biên giới, hải đảo
755	Cù-Lao-Câu	Biên giới, hải đảo
756	Đảo-Phúquý	Biên giới, hải đảo
757	Đảo-Đáhoa	Biên giới, hải đảo
758	Bãi-Hảiyên	Biên giới, hải đảo
759	Bãi-Hữudộ	Biên giới, hải đảo
760	Bãi-Nakhoai	Biên giới, hải đảo
761	Bãi-Nam	Biên giới, hải đảo
762	Bãi-Ônthủy	Biên giới, hải đảo
763	Bãi-Rạchlấp	Biên giới, hải đảo
764	Bãi-Rạchvàng	Biên giới, hải đảo
765	Bãi-Sabin	Biên giới, hải đảo
766	Bãi-Suôngà	Biên giới, hải đảo
767	Bãi-Thạchsa	Biên giới, hải đảo
768	Bãi-Tômuồi	Biên giới, hải đảo
769	Bãi-Vĩnhtuy	Biên giới, hải đảo
770	Vịnh-Hạ-Long	Biên giới, hải đảo
771	Hạ-Long	Biên giới, hải đảo
772	Vịnh-Báitửrlong	Biên giới, hải đảo
773	Bái-Tử-Long	Biên giới, hải đảo
774	Đảo-Côtô	Biên giới, hải đảo
775	Đảo-Vĩnhthực	Biên giới, hải đảo
776	Đảo-Quanlạn	Biên giới, hải đảo
777	Đảo-Thevàng	Biên giới, hải đảo
778	Đảo-Cốgdông	Biên giới, hải đảo
779	Đảo-Cốgdỏ	Biên giới, hải đảo
780	Đảo-Tràbản	Biên giới, hải đảo
781	Đảo-Đáannhonnám	Biên giới, hải đảo

782	Đá-Annhonnam	Biên giới, hải đảo
783	Đảo-Đásahuỳnh	Biên giới, hải đảo
784	Đá-Sahuỳnh	Biên giới, hải đảo
785	Đảo-Đátâncâu	Biên giới, hải đảo
786	Đá-Tâncâu	Biên giới, hải đảo
787	Bãiđường	Biên giới, hải đảo
788	Bãi-Loaitanam	Biên giới, hải đảo
789	Đảo-Babinh	Biên giới, hải đảo
790	Đảo-Namyết	Biên giới, hải đảo
791	Đảo-Sonca	Biên giới, hải đảo
792	Đảo-Chữthập	Biên giới, hải đảo
793	Đá-Chữthập	Biên giới, hải đảo
794	Đảo-Đáđềncây cỏ	Biên giới, hải đảo
795	Đá-Đềncây cỏ	Biên giới, hải đảo
796	Đảo-Đáếndất	Biên giới, hải đảo
797	Đá-Ếndất	Biên giới, hải đảo
798	Đảo-Đágaven	Biên giới, hải đảo
799	Đá-Gaven	Biên giới, hải đảo
800	Đảo-Đá lạc	Biên giới, hải đảo
801	Đá-Lạc	Biên giới, hải đảo
802	Đảo-Đá lớn	Biên giới, hải đảo
803	Đá-Lớn	Biên giới, hải đảo
804	Bãi gằm khánh hội	Biên giới, hải đảo
805	Đảo bình nguyên	Biên giới, hải đảo
806	Đảo vịnh viễn	Biên giới, hải đảo
807	Đảo đá bô đề	Biên giới, hải đảo
808	Đá bô đề	Biên giới, hải đảo
809	Đảo đá côm y	Biên giới, hải đảo

810	Đảo-Ngọcvừng	Biên giới, hải đảo
811	Đảo-Vạncảnh	Biên giới, hải đảo
812	Đảo-Đồngrui	Biên giới, hải đảo
813	Đảo-Thoixanh	Biên giới, hải đảo
814	Đảo-Minhchâu	Biên giới, hải đảo
815	Đảo-Thượngmai	Biên giới, hải đảo
816	Đảo-Hạmai	Biên giới, hải đảo
817	Đảobìnhhung	Biên giới, hải đảo
818	Đảomỹgiang	Biên giới, hải đảo
819	Đảo-Phanvinh	Biên giới, hải đảo
820	Đảo-Đáchâuviên	Biên giới, hải đảo
821	Đá-Châuviên	Biên giới, hải đảo
822	Đảo-Đáđông	Biên giới, hải đảo
823	Đá-Đông	Biên giới, hải đảo
824	Đảo-Đálát	Biên giới, hải đảo
825	Đá-Lát	Biên giới, hải đảo
826	Đảo-Đánúicô	Biên giới, hải đảo
827	Đá-Núicô	Biên giới, hải đảo
828	Đảo-Đánúilê	Biên giới, hải đảo
829	Đá-Núilê	Biên giới, hải đảo
830	Đảo-Đánúimon	Biên giới, hải đảo
831	Đá-Núimon	Biên giới, hải đảo
832	Đảo-Đátây	Biên giới, hải đảo
833	Đá-Tây	Biên giới, hải đảo
834	Đảo-Đátiênnữ	Biên giới, hải đảo
835	Đá-Tiênnữ	Biên giới, hải đảo
836	Đảo-Tổctan	Biên giới, hải đảo
837	Đá-Tổctan	Biên giới, hải đảo

838	Bãi-Ngàmchimbiển	Biên giới, hải đảo
839	Bãi-Ngàmmyhải	Biên giới, hải đảo
840	Bãi-Ngàmnguyệtsương	Biên giới, hải đảo
841	Bãi-Ngàmnguyệtxương	Biên giới, hải đảo
842	Đảo-Anbang	Biên giới, hải đảo
843	Đảo-Đácôngđo	Biên giới, hải đảo
844	Đá-Côngđo	Biên giới, hải đảo
845	Đảo-Đáénca	Biên giới, hải đảo
846	Hònmuu	Biên giới, hải đảo
847	Nhật-Tự-Son	Biên giới, hải đảo
848	Hòn-Nura	Biên giới, hải đảo
849	Cùlaocâu	Biên giới, hải đảo
850	Bãi-Ngựbình	Biên giới, hải đảo
851	Bãi-Ốctaivoi	Biên giới, hải đảo
852	Bãi-Quảngnghĩa	Biên giới, hải đảo
853	Bãi-Thủytề	Biên giới, hải đảo
854	Bãi-Xàcừ	Biên giới, hải đảo
855	Đảo-Songtửđông	Biên giới, hải đảo
856	Đảo-Songtửtây	Biên giới, hải đảo
857	Đá-Nam	Biên giới, hải đảo
858	Đá-Cánhám	Biên giới, hải đảo
859	Đá-Cávung	Biên giới, hải đảo
860	Đảo-Đáhoàian	Biên giới, hải đảo
861	Đá-Hoàian	Biên giới, hải đảo
862	Đảo-Đátrâmđức	Biên giới, hải đảo
863	Đá-Trâmđức	Biên giới, hải đảo
864	Đảo-Đátrilê	Biên giới, hải đảo
865	Đá-Trilê	Biên giới, hải đảo

866	Đảo-Đávĩnhhảo	Biên giới, hải đảo
867	Đá-Vĩnhhảo	Biên giới, hải đảo
868	Đảo-Đáxubi	Biên giới, hải đảo
869	Đá-Xubi	Biên giới, hải đảo
870	Đảo-Bếnlạc	Biên giới, hải đảo
871	Đảo-Loaita	Biên giới, hải đảo
872	Đảo-Loaitây	Biên giới, hải đảo
873	Đảo-Đáanlão	Biên giới, hải đảo
874	Đá-Anlão	Biên giới, hải đảo
875	Đảo-Đáannhon	Biên giới, hải đảo
876	Đá-Annhon	Biên giới, hải đảo
877	Đảo-Đáannhonbạc	Biên giới, hải đảo
878	Đá-Annhonbạc	Biên giới, hải đảo
879	Hòn-Lăng	Biên giới, hải đảo
880	Hòn-Câu	Biên giới, hải đảo
881	Bãiđòimòi	Biên giới, hải đảo
882	Bãiđòngcam	Biên giới, hải đảo
883	Bãiđònggiữa	Biên giới, hải đảo
884	Bãiđòngthạnh	Biên giới, hải đảo
885	Bãihảisâm	Biên giới, hải đảo
886	Đảođátriêmđức	Biên giới, hải đảo
887	Đảođáninhcơ	Biên giới, hải đảo
888	Cao-Lộc	Biên giới, hải đảo
889	Đá-Gacma	Biên giới, hải đảo
890	Đảo-Đákennan	Biên giới, hải đảo
891	Đá-Kennan	Biên giới, hải đảo
892	Đảo-Đálendao	Biên giới, hải đảo
893	Đá-Lendao	Biên giới, hải đảo

894	Đảo-Đánhĩahành	Biên giới, hải đảo
895	Đá-Nghĩahành	Biên giới, hải đảo
896	Đảo-Đánhạngia	Biên giới, hải đảo
897	Đá-Nhạngia	Biên giới, hải đảo
898	Đảo-Đáninhhòa	Biên giới, hải đảo
899	Đá-Ninhhòa	Biên giới, hải đảo
900	Đảo-Đáphúcĩ	Biên giới, hải đảo
901	Đá-Phúcĩ	Biên giới, hải đảo
902	Đảo-Đásonhà	Biên giới, hải đảo
903	Đá-Sonhà	Biên giới, hải đảo
904	Đảo-Đátamtrung	Biên giới, hải đảo
905	Đá-Tamtrung	Biên giới, hải đảo
906	Đảo-Đátunghĩa	Biên giới, hải đảo
907	Đá-Tunghĩa	Biên giới, hải đảo
908	Đảo-Đátràkhúc	Biên giới, hải đảo
909	Đá-Tràkhúc	Biên giới, hải đảo
910	Đảo-Đávãnnghuyên	Biên giới, hải đảo
911	Đá-Vãnnghuyên	Biên giới, hải đảo
912	Đảo-Đávịkhê	Biên giới, hải đảo
913	Đá-Vịkhê	Biên giới, hải đảo
914	Trường-Sa	Biên giới, hải đảo
915	Đảo-Trườngsa	Biên giới, hải đảo
916	Đảo-Trườngsađông	Biên giới, hải đảo
917	Đảođáhộiđức	Biên giới, hải đảo
918	Đảođáđịnhtường	Biên giới, hải đảo
919	Đảođáhoa	Biên giới, hải đảo
920	Bãihiáyến	Biên giới, hải đảo
921	Bãihũrộ	Biên giới, hải đảo

922	Băinakhoai	Biên giới, hải đảo
923	Băinam	Biên giới, hải đảo
924	Băiônthủy	Biên giới, hải đảo
925	Băirạchlấp	Biên giới, hải đảo
926	Băirạchvàng	Biên giới, hải đảo
927	Băisabin	Biên giới, hải đảo
928	Băisuốingà	Biên giới, hải đảo
929	Băithạchsa	Biên giới, hải đảo
930	Băitômũi	Biên giới, hải đảo
931	Băivĩnhtuy	Biên giới, hải đảo
932	Đaotamhải	Biên giới, hải đảo
933	Hònngondừa	Biên giới, hải đảo
934	Hònmanh	Biên giới, hải đảo
935	Hònrua	Biên giới, hải đảo
936	Hònước	Biên giới, hải đảo
937	Hònđụn	Biên giới, hải đảo
938	Hònró	Biên giới, hải đảo
939	Cùlaomáinhà	Biên giới, hải đảo
940	Hònthan	Biên giới, hải đảo
941	Nhắttụsơn	Biên giới, hải đảo
942	Hònrua	Biên giới, hải đảo
943	Hònlãng	Biên giới, hải đảo
944	Hòncâu	Biên giới, hải đảo
945	Thôngnông	Biên giới, hải đảo
946	Hàquảng	Biên giới, hải đảo
947	Tràlĩnh	Biên giới, hải đảo
948	Trùngkhánh	Biên giới, hải đảo
949	Hạlang	Biên giới, hải đảo

950	Phúchòa	Biên giới, hải đảo
951	Thạchan	Biên giới, hải đảo
952	Đágògià	Biên giới, hải đảo
953	Đảođáhợpkim	Biên giới, hải đảo
954	Đáhợpkim	Biên giới, hải đảo
955	Đảođákhúcgiác	Biên giới, hải đảo
956	Bãi-Quếđường	Biên giới, hải đảo
957	Bãi-Phúctân	Biên giới, hải đảo
958	Bãi-Thanhlong	Biên giới, hải đảo
959	Bãi-Turchính	Biên giới, hải đảo
960	Bãi-Vũngmây	Biên giới, hải đảo
961	Bãi-Cạncàmau	Biên giới, hải đảo
962	Mường-Nhé	Biên giới, hải đảo
963	Mường-Tè	Biên giới, hải đảo
964	Sìn-Hồ	Biên giới, hải đảo
965	Phong-Thỏ	Biên giới, hải đảo
966	Bát-Xát	Biên giới, hải đảo
967	Bảo-Thắng	Biên giới, hải đảo
968	Mường-Khương	Biên giới, hải đảo
969	Bảng-Ióc	Biên giới, hải đảo
970	Xín-Mần	Biên giới, hải đảo
971	Hoàng-Su-Phi	Biên giới, hải đảo
972	Vị-Xuyên	Biên giới, hải đảo
973	Quản-Bạ	Biên giới, hải đảo
974	Yên-Minh	Biên giới, hải đảo
975	Đông-Văn	Biên giới, hải đảo
976	Mèo-Vạc	Biên giới, hải đảo
977	Lũng-Cú	Biên giới, hải đảo

978	Bảo-Lâm	Biên giới, hải đảo
979	Bảo-Lạc	Biên giới, hải đảo
980	Thông-Nông	Biên giới, hải đảo
981	Hà-Quảng	Biên giới, hải đảo
982	Trà-Lĩnh	Biên giới, hải đảo
983	Trùng-Khánh	Biên giới, hải đảo
984	Hạ-Lang	Biên giới, hải đảo
985	Phúc-Hòa	Biên giới, hải đảo
986	Thạch-An	Biên giới, hải đảo
987	Đákhúcgiác	Biên giới, hải đảo
988	Đảođalongđiền	Biên giới, hải đảo
989	Đalongđiền	Biên giới, hải đảo
990	Đảođámỏvịt	Biên giới, hải đảo
991	Đámỏvịt	Biên giới, hải đảo
992	Đảođáphậttử	Biên giới, hải đảo
993	Đáphậttử	Biên giới, hải đảo
994	Đảođásuốingọc	Biên giới, hải đảo
995	Đásuốingọc	Biên giới, hải đảo
996	Đảođátâynam	Biên giới, hải đảo
997	Đátâynam	Biên giới, hải đảo
998	Đátrunglễ	Biên giới, hải đảo
999	Đảođávànhkhăn	Biên giới, hải đảo
1000	Đávànhkhăn	Biên giới, hải đảo
1001	Đảođávĩnhhợp	Biên giới, hải đảo
1002	Đávĩnhhợp	Biên giới, hải đảo
1003	Đảođávĩnhtrường	Biên giới, hải đảo
1004	Đávĩnhtrường	Biên giới, hải đảo
1005	Bãicámép	Biên giới, hải đảo

1006	Bãi cò may	Biên giới, hải đảo
1007	Bãi đă bắc	Biên giới, hải đảo
1008	Bãi đò bàn	Biên giới, hải đảo
1009	Quần đảo hải tặc	Biên giới, hải đảo
1010	Quần đảo nam du	Biên giới, hải đảo
1011	Quần đảo hồ chu	Biên giới, hải đảo
1012	Hòn rái	Biên giới, hải đảo
1013	Hòn nghê	Biên giới, hải đảo
1014	Hòn bàng	Biên giới, hải đảo
1015	Bãi cảnh dương	Biên giới, hải đảo
1016	Bãi đông sơn	Biên giới, hải đảo
1017	Bãi huyên trâm	Biên giới, hải đảo
1018	Bãi phúc nguyên	Biên giới, hải đảo
1019	Bãi quế đường	Biên giới, hải đảo
1020	Bãi phước tân	Biên giới, hải đảo
1021	Bãi thanh long	Biên giới, hải đảo
1022	Bãi tước chính	Biên giới, hải đảo
1023	Hòn-Lao	Biên giới, hải đảo
1024	Hòn-Ghèn	Biên giới, hải đảo
1025	Quần đảo-Côn đảo	Biên giới, hải đảo
1026	Đảo-Long sơn	Biên giới, hải đảo
1027	Gò-Găng	Biên giới, hải đảo
1028	Cù-Lao-Tào	Biên giới, hải đảo
1029	Hòn-Bà	Biên giới, hải đảo
1030	Mũi-Nghinh phong	Biên giới, hải đảo
1031	Mũi-Ô cấp	Biên giới, hải đảo
1032	Hòn-Hải ngư	Biên giới, hải đảo
1033	Đảo-Thạch an	Biên giới, hải đảo

1034	Cồn-Ngang	Biên giới, hải đảo
1035	Cồn-Nghê	Biên giới, hải đảo
1036	Đảo-Hònkhoai	Biên giới, hải đảo
1037	Hòn-Chuối	Biên giới, hải đảo
1038	Hòn-Đá bạc	Biên giới, hải đảo
1039	Đảo-Phú quốc	Biên giới, hải đảo
1040	Quần đảo-Anthới	Biên giới, hải đảo
1041	Quần đảo-Bà lụa	Biên giới, hải đảo
1042	Quần đảo-Hà tiên	Biên giới, hải đảo
1043	Quần đảo-Hải tặc	Biên giới, hải đảo
1044	Quần đảo-Nam du	Biên giới, hải đảo
1045	Quần đảo-Thỏ chu	Biên giới, hải đảo
1046	Hòn-Rái	Biên giới, hải đảo
1047	Hòn-Nghệ	Biên giới, hải đảo
1048	Hòn-Bàng	Biên giới, hải đảo
1049	Bãi-Cảnh dương	Biên giới, hải đảo
1050	Bãi-Đông sơn	Biên giới, hải đảo
1051	Bãi-Huyền trôn	Biên giới, hải đảo
1052	Bãi-Phúc nguyên	Biên giới, hải đảo
1053	Bãi vũng mây	Biên giới, hải đảo
1054	Bãi càn cam mau	Biên giới, hải đảo
1055	Mường nhé	Biên giới, hải đảo
1056	Mường tè	Biên giới, hải đảo
1057	Sinh hồ	Biên giới, hải đảo
1058	Phong thổ	Biên giới, hải đảo
1059	Bát xát	Biên giới, hải đảo
1060	Bảo thắng	Biên giới, hải đảo
1061	Mường khương	Biên giới, hải đảo

1062	Bàngiốc	Biên giới, hải đảo
1063	Xínmàn	Biên giới, hải đảo
1064	Hoàngsuphi	Biên giới, hải đảo
1065	Vịxuyên	Biên giới, hải đảo
1066	Quảnbạ	Biên giới, hải đảo
1067	Yênminh	Biên giới, hải đảo
1068	Đôngvăn	Biên giới, hải đảo
1069	Mèovac	Biên giới, hải đảo
1070	Lũngcú	Biên giới, hải đảo
1071	Bàolâm	Biên giới, hải đảo
1072	Bàolạc	Biên giới, hải đảo
1073	Đảngọcvùng	Biên giới, hải đảo
1074	Đảovancảnh	Biên giới, hải đảo
1075	Đảođôngrui	Biên giới, hải đảo
1076	Đảothoixanh	Biên giới, hải đảo
1077	Đảominhchâu	Biên giới, hải đảo
1078	Đảothươngmai	Biên giới, hải đảo
1079	Đảohạmai	Biên giới, hải đảo
1080	Đảotuànchâu	Biên giới, hải đảo
1081	Đảocáibầu	Biên giới, hải đảo
1082	Đảochàngngo	Biên giới, hải đảo
1083	Cátbà	Biên giới, hải đảo
1084	Đảophúquý	Biên giới, hải đảo
1085	Đảokêgà	Biên giới, hải đảo
1086	Hònghề	Biên giới, hải đảo
1087	Hònlao	Biên giới, hải đảo
1088	Hònghênh	Biên giới, hải đảo
1089	Quầnđảocônđảo	Biên giới, hải đảo

1090	Đảolongson	Biên giới, hải đảo
1091	Bãi-Núicầu	Biên giới, hải đảo
1092	Đảo-Thịtứ	Biên giới, hải đảo
1093	Đảo-Đácánhám	Biên giới, hải đảo
1094	Đảo-Đácáivung	Biên giới, hải đảo
1095	Hòn-Tre	Biên giới, hải đảo
1096	Hòn-Miêu	Biên giới, hải đảo
1097	Hòn-Nọc	Biên giới, hải đảo
1098	Hòn-Dung	Biên giới, hải đảo
1099	Bãi-Đábắc	Biên giới, hải đảo
1100	Bãi-Đồbàn	Biên giới, hải đảo
1101	Bãi-Đồimồi	Biên giới, hải đảo
1102	Bãi-Đôngcam	Biên giới, hải đảo
1103	Bãi-Đônggiữa	Biên giới, hải đảo
1104	Bãi-Đôngthạnh	Biên giới, hải đảo
1105	Bãi-Hảisâm	Biên giới, hải đảo
1106	Đảo-Đátriêmđức	Biên giới, hải đảo
1107	Đảo-Đáninhcơ	Biên giới, hải đảo
1108	Đảo-Đáhộđức	Biên giới, hải đảo
1109	Đá-Énca	Biên giới, hải đảo
1110	Đảo-Đáhoalau	Biên giới, hải đảo
1111	Đá-Hoalau	Biên giới, hải đảo
1112	Đảo-Đákyvăn	Biên giới, hải đảo
1113	Đá-Kỳvăn	Biên giới, hải đảo
1114	Bãi-Kiêungạ	Biên giới, hải đảo
1115	Đảo-Đákiêungạ	Biên giới, hải đảo
1116	Đảo-Đásáclốt	Biên giới, hải đảo
1117	Đá-Sáclốt	Biên giới, hải đảo

1118	Đảo-Đásuốicá	Biên giới, hải đảo
1119	Đảo-Kêgà	Biên giới, hải đảo
1120	Hòn-Nghê	Biên giới, hải đảo
1121	Gògăng	Biên giới, hải đảo
1122	Cùlaotào	Biên giới, hải đảo
1123	Hònbà	Biên giới, hải đảo
1124	Mũinghinhphong	Biên giới, hải đảo
1125	Mũiôcáp	Biên giới, hải đảo
1126	Hònháinguru	Biên giới, hải đảo
1127	Đảothạchan	Biên giới, hải đảo
1128	Cồngang	Biên giới, hải đảo
1129	Cồnghêu	Biên giới, hải đảo
1130	Đảohònkhoai	Biên giới, hải đảo
1131	Hònchuối	Biên giới, hải đảo
1132	Hònđábạc	Biên giới, hải đảo
1133	Đảophúquốc	Biên giới, hải đảo
1134	Quầnđảoanthới	Biên giới, hải đảo
1135	Quầnđảobàlụa	Biên giới, hải đảo
1136	Quầnđảohàtiên	Biên giới, hải đảo
1137	Hoàng-Sa	Biên giới, hải đảo
1138	Đảo-Hữunhật	Biên giới, hải đảo
1139	Đảo-Linhcôn	Biên giới, hải đảo
1140	Đảo-Luõiliềm	Biên giới, hải đảo
1141	Đảo-Nam	Biên giới, hải đảo
1142	Đảo-Ồchoa	Biên giới, hải đảo
1143	Đảo-Phúlâm	Biên giới, hải đảo
1144	Đảo-Quangảnh	Biên giới, hải đảo
1145	Đảo-Quanghòa	Biên giới, hải đảo

1146	Đảo-Tritôn	Biên giới, hải đảo
1147	Đảo-Trung	Biên giới, hải đảo
1148	Cồn-Cát-Bạc	Biên giới, hải đảo
1149	Cồn-Cát-Nam	Biên giới, hải đảo
1150	Cồn-Cát-Tây	Biên giới, hải đảo
1151	Cồn-Cát-Trung	Biên giới, hải đảo
1152	Hòn-Tháp	Biên giới, hải đảo
1153	Đá-Bôngbay	Biên giới, hải đảo
1154	Lộc-Bình	Biên giới, hải đảo
1155	Tràng-Định	Biên giới, hải đảo
1156	Văn-Lãng	Biên giới, hải đảo
1157	Bình-Liêu	Biên giới, hải đảo
1158	Hải-Hà	Biên giới, hải đảo
1159	Móngcái	Biên giới, hải đảo
1160	Đảo-Đábắc	Biên giới, hải đảo
1161	Đảo-Đánam	Biên giới, hải đảo
1162	Bãi-Đinhba	Biên giới, hải đảo
1163	Đảo-Đáchimén	Biên giới, hải đảo
1164	Vịnhhạlong	Biên giới, hải đảo
1165	Hạlong	Biên giới, hải đảo
1166	Vịnhbáitửlong	Biên giới, hải đảo
1167	Báitửlong	Biên giới, hải đảo
1168	Đảocôto	Biên giới, hải đảo
1169	Đảovĩnthực	Biên giới, hải đảo
1170	Đảoquanlạn	Biên giới, hải đảo
1171	Đảothèvàng	Biên giới, hải đảo
1172	Đảocôngđông	Biên giới, hải đảo
1173	Đảocôngđỏ	Biên giới, hải đảo

1174	Đảotràbản	Biên giới, hải đảo
1175	Đảođácánhám	Biên giới, hải đảo
1176	Đảođácáivung	Biên giới, hải đảo
1177	Hòntré	Biên giới, hải đảo
1178	Hònmiêu	Biên giới, hải đảo
1179	Hònọc	Biên giới, hải đảo
1180	Hòndung	Biên giới, hải đảo
1181	Đảo-Baba	Biên giới, hải đảo
1182	Đảo-Bạchquy	Biên giới, hải đảo
1183	Đảo-Bắc	Biên giới, hải đảo
1184	Đảo-Cây	Biên giới, hải đảo
1185	Đảo-Duymộng	Biên giới, hải đảo
1186	Đảo-Đá	Biên giới, hải đảo
1187	Đảo-Hoàngsa	Biên giới, hải đảo
1188	Đảo-Đábồđề	Biên giới, hải đảo
1189	Đá-Bồđề	Biên giới, hải đảo
1190	Đảo-Đácòmỹ	Biên giới, hải đảo
1191	Đá-Còmỹ	Biên giới, hải đảo
1192	Đảo-Đábacờ	Biên giới, hải đảo
1193	Đá-Bacờ	Biên giới, hải đảo
1194	Đảo-Đáchàvà	Biên giới, hải đảo
1195	Đá-Chàvà	Biên giới, hải đảo
1196	Đảo-Đágògià	Biên giới, hải đảo
1197	Đá-Gògià	Biên giới, hải đảo
1198	Đảo-Đáhọpkim	Biên giới, hải đảo
1199	Đá-Họpkim	Biên giới, hải đảo
1200	Đảo-Đákhúcgiác	Biên giới, hải đảo
1201	Đá-Khúcgiác	Biên giới, hải đảo

1202	Đảo-Đálongđiền	Biên giới, hải đảo
1203	Đá-Longđiền	Biên giới, hải đảo
1204	Đảo-Đámỏvịt	Biên giới, hải đảo
1205	Đá-Mỏvịt	Biên giới, hải đảo
1206	Đảo-Đáphậttử	Biên giới, hải đảo
1207	Caolộc	Biên giới, hải đảo
1208	Lộcbình	Biên giới, hải đảo
1209	Tràngđịnh	Biên giới, hải đảo
1210	Vănlãng	Biên giới, hải đảo
1211	Bìnhliêu	Biên giới, hải đảo
1212	Hảihà	Biên giới, hải đảo
1213	Đảođábắc	Biên giới, hải đảo
1214	Đảođánam	Biên giới, hải đảo
1215	Bãiđinhba	Biên giới, hải đảo
1216	Bãinúicâu	Biên giới, hải đảo
1217	Đảothịtứ	Biên giới, hải đảo
1218	Đảođánhỏ	Biên giới, hải đảo
1219	Đánhỏ	Biên giới, hải đảo
1220	Đảođánúithị	Biên giới, hải đảo
1221	Đánúithị	Biên giới, hải đảo
1222	Bãibànthan	Biên giới, hải đảo
1223	Đảođábànthan	Biên giới, hải đảo
1224	Đábànthan	Biên giới, hải đảo
1225	Đảosinhtôn	Biên giới, hải đảo
1226	Đảosinhtônđông	Biên giới, hải đảo
1227	Đảođáanbình	Biên giới, hải đảo
1228	Đáanbình	Biên giới, hải đảo
1229	Đảođábađầu	Biên giới, hải đảo

1230	Đábađầu	Biên giới, hải đảo
1231	Đảobắc	Biên giới, hải đảo
1232	Đảocây	Biên giới, hải đảo
1233	Đảoduymộng	Biên giới, hải đảo
1234	Đảođá	Biên giới, hải đảo
1235	Đảohoàngsa	Biên giới, hải đảo
1236	Hoàngsa	Biên giới, hải đảo
1237	Đảohữnhật	Biên giới, hải đảo
1238	Đátungghĩa	Biên giới, hải đảo
1239	Đảođátràkhúc	Biên giới, hải đảo
1240	Đátràkhúc	Biên giới, hải đảo
1241	Đảođávãnnghuyên	Biên giới, hải đảo
1242	Đávãnnghuyên	Biên giới, hải đảo
1243	Đảođávịkhê	Biên giới, hải đảo
1244	Đávịkhê	Biên giới, hải đảo
1245	Trờngsa	Biên giới, hải đảo
1246	Đảotrờngsa	Biên giới, hải đảo
1247	Đảotrờngsadržng	Biên giới, hải đảo
1248	Đảophanvinh	Biên giới, hải đảo
1249	Đảođáchâuviên	Biên giới, hải đảo
1250	Đáchâuviên	Biên giới, hải đảo
1251	Đảođadržng	Biên giới, hải đảo
1252	Đadržng	Biên giới, hải đảo
1253	Đảođálat	Biên giới, hải đảo
1254	Đálat	Biên giới, hải đảo
1255	Đảođánúicô	Biên giới, hải đảo
1256	Đánúicô	Biên giới, hải đảo
1257	Đảođánúilệ	Biên giới, hải đảo

1258	Đánúilê	Biên giới, hải đảo
1259	Đảođánúimon	Biên giới, hải đảo
1260	Đánúimon	Biên giới, hải đảo
1261	Đảođátây	Biên giới, hải đảo
1262	Đátây	Biên giới, hải đảo
1263	Đảođátiênnữ	Biên giới, hải đảo
1264	Đátiênnữ	Biên giới, hải đảo
1265	Đảođótan	Biên giới, hải đảo
1266	Đátótan	Biên giới, hải đảo
1267	Bãingâmchimbiển	Biên giới, hải đảo
1268	Bãingâmmỹhải	Biên giới, hải đảo
1269	Bãingâmnghuyệtsrong	Biên giới, hải đảo
1270	Bãingâmnghuyệtxuong	Biên giới, hải đảo
1271	Đảoanbang	Biên giới, hải đảo
1272	Đảođácôngđo	Biên giới, hải đảo
1273	Đácôngđo	Biên giới, hải đảo
1274	Đảođáénca	Biên giới, hải đảo
1275	Đáénca	Biên giới, hải đảo
1276	Đảođáhoalau	Biên giới, hải đảo
1277	Đáhoalau	Biên giới, hải đảo
1278	Đảođákỳvăn	Biên giới, hải đảo
1279	Đákỳvăn	Biên giới, hải đảo
1280	Bãikiêungạ	Biên giới, hải đảo
1281	Đảođákiêungạ	Biên giới, hải đảo
1282	Đảođásáclót	Biên giới, hải đảo
1283	Đásáclót	Biên giới, hải đảo
1284	Đảođásuôicá	Biên giới, hải đảo
1285	Đásuôicá	Biên giới, hải đảo

1286	Đảoáthanhkỳ	Biên giới, hải đảo
1287	Đáthanhkỳ	Biên giới, hải đảo
1288	Bãithuyềncài	Biên giới, hải đảo
1289	Đáthuyềncài	Biên giới, hải đảo
1290	Bãiphùmỹ	Biên giới, hải đảo
1291	Bãithámhiêm	Biên giới, hải đảo
1292	Bãitrăngkhuyết	Biên giới, hải đảo
1293	Bãingâmngũphụng	Biên giới, hải đảo
1294	Bãingâmtamthanh	Biên giới, hải đảo
1295	Đáéndát	Biên giới, hải đảo
1296	Đảođágaven	Biên giới, hải đảo
1297	Đágaven	Biên giới, hải đảo
1298	Đảođálacak	Biên giới, hải đảo
1299	Đálacak	Biên giới, hải đảo
1300	Đảođálon	Biên giới, hải đảo
1301	Đálon	Biên giới, hải đảo
1302	Đảolinhcôn	Biên giới, hải đảo
1303	Đảolrõiliêm	Biên giới, hải đảo
1304	Đảonam	Biên giới, hải đảo
1305	Đảoóchoa	Biên giới, hải đảo
1306	Đảophúlâm	Biên giới, hải đảo
1307	Đảoquangánh	Biên giới, hải đảo
1308	Đảoquanghòa	Biên giới, hải đảo
1309	Đảotritôn	Biên giới, hải đảo
1310	Đảphúcsĩ	Biên giới, hải đảo
1311	Đảođásonhà	Biên giới, hải đảo
1312	Đásonhà	Biên giới, hải đảo
1313	Đảođátamtrung	Biên giới, hải đảo

1314	Đátamtrung	Biên giới, hải đảo
1315	Đảođáttrnghĩa	Biên giới, hải đảo
1316	Tamnông	Biên giới, hải đảo
1317	Phúthiện	Biên giới, hải đảo
1318	Krôngpa	Biên giới, hải đảo
1319	Kôngchro	Biên giới, hải đảo
1320	Đứcco	Biên giới, hải đảo
1321	Đakpơ	Biên giới, hải đảo
1322	Buônmathuột	Biên giới, hải đảo
1323	Buônhô	Biên giới, hải đảo
1324	Easúp	Biên giới, hải đảo
1325	Krôngbông	Biên giới, hải đảo
1326	Krôngbuk	Biên giới, hải đảo
1327	Krôngpak	Biên giới, hải đảo
1328	Krôngnăng	Biên giới, hải đảo
1329	Krôngana	Biên giới, hải đảo
1330	Giôngriêng	Biên giới, hải đảo
1331	Giangthành	Biên giới, hải đảo
1332	Gòquao	Biên giới, hải đảo
1333	Hònđát	Biên giới, hải đảo
1334	Uminhthượng	Biên giới, hải đảo
1335	Kiênlương	Biên giới, hải đảo
1336	Tânhiệp	Biên giới, hải đảo
1337	Vĩnthuận	Biên giới, hải đảo
1338	Kiênhải	Biên giới, hải đảo
1339	Sathầy	Biên giới, hải đảo
1340	Tumơông	Biên giới, hải đảo
1341	Ankhê	Biên giới, hải đảo

1342	Chupăh	Biên giới, hải đảo
1343	Churông	Biên giới, hải đảo
1344	Chursê	Biên giới, hải đảo
1345	Đắkđoa	Biên giới, hải đảo
1346	Chupuh	Biên giới, hải đảo
1347	Thoạison	Biên giới, hải đảo
1348	Tịnhbiên	Biên giới, hải đảo
1349	Tritôn	Biên giới, hải đảo
1350	Rạchgiá	Biên giới, hải đảo
1351	Hàtiên	Biên giới, hải đảo
1352	Anbiên	Biên giới, hải đảo
1353	Phútân	Biên giới, hải đảo
1354	Chọmới	Biên giới, hải đảo
1355	Châuphú	Biên giới, hải đảo
1356	Anphú	Biên giới, hải đảo
1357	Châuđốc	Biên giới, hải đảo
1358	Longxuyên	Biên giới, hải đảo
1359	Thápmười	Biên giới, hải đảo
1360	Thanhbinh	Biên giới, hải đảo
1361	Tânhông	Biên giới, hải đảo
1362	Tânbiên	Biên giới, hải đảo
1363	Tânchâu	Biên giới, hải đảo
1364	Dươngminhchâu	Biên giới, hải đảo
1365	Hòathành	Biên giới, hải đảo
1366	Bեն់cầu	Biên giới, hải đảo
1367	Gòdầu	Biên giới, hải đảo
1368	Trảngbàng	Biên giới, hải đảo
1369	Tânan	Biên giới, hải đảo

1370	Kiếntrường	Biên giới, hải đảo
1371	Bếnlúc	Biên giới, hải đảo
1372	Cầnđước	Biên giới, hải đảo
1373	Càngiuộc	Biên giới, hải đảo
1374	Châuthành	Biên giới, hải đảo
1375	Đứchuệ	Biên giới, hải đảo
1376	Mộchóa	Biên giới, hải đảo
1377	Tânhung	Biên giới, hải đảo
1378	Tânthanh	Biên giới, hải đảo
1379	Tântrụ	Biên giới, hải đảo
1380	Thạnhhóa	Biên giới, hải đảo
1381	Thủthừa	Biên giới, hải đảo
1382	Vĩnhhung	Biên giới, hải đảo
1383	Đứchòa	Biên giới, hải đảo
1384	Caolãnh	Biên giới, hải đảo
1385	Sadéc	Biên giới, hải đảo
1386	Lấpvò	Biên giới, hải đảo
1387	Biason	Biên giới, hải đảo
1388	Đắkglei	Biên giới, hải đảo
1389	Đắkhà	Biên giới, hải đảo
1390	Đắktô	Biên giới, hải đảo
1391	Konlông	Biên giới, hải đảo
1392	Konrẫy	Biên giới, hải đảo
1393	Ngọchồi	Biên giới, hải đảo
1394	Buônđôn	Biên giới, hải đảo
1395	Gianghĩa	Biên giới, hải đảo
1396	Cựjút	Biên giới, hải đảo
1397	Đắkglong	Biên giới, hải đảo

1398	Đákmil	Biên giới, hải đảo
1399	Đákrấp	Biên giới, hải đảo
1400	Đáksong	Biên giới, hải đảo
1401	Krôngnô	Biên giới, hải đảo
1402	Tuyđức	Biên giới, hải đảo
1403	Đôngxoài	Biên giới, hải đảo
1404	Bìnhlong	Biên giới, hải đảo
1405	Phướclong	Biên giới, hải đảo
1406	Bùđăng	Biên giới, hải đảo
1407	Bùđóp	Biên giới, hải đảo
1408	Bùgiamập	Biên giới, hải đảo
1409	Chonthành	Biên giới, hải đảo
1410	Đôngphú	Biên giới, hải đảo
1411	Hónquản	Biên giới, hải đảo
1412	Lộcninh	Biên giới, hải đảo
1413	Tâyninh	Biên giới, hải đảo
1414	Mộcbài	Biên giới, hải đảo
1415	Curkuin	Biên giới, hải đảo
1416	xahaison	Biên giới, hải đảo
1417	xabacson	Biên giới, hải đảo
1418	phuongtranphu	Biên giới, hải đảo
1419	xaquangson	Biên giới, hải đảo
1420	xaquangduc	Biên giới, hải đảo
1421	xadongvan	Biên giới, hải đảo
1422	xahoanhmo	Biên giới, hải đảo
1423	xaluchon	Biên giới, hải đảo
1424	xadongtam	Biên giới, hải đảo
1425	xabinhxa	Biên giới, hải đảo

1426	xabaolam	Biên giới, hải đảo
1427	thitrandongdang	Biên giới, hải đảo
1428	xatanmy	Biên giới, hải đảo
1429	xatanthanh	Biên giới, hải đảo
1430	xathanhlong	Biên giới, hải đảo
1431	xathuyhung	Biên giới, hải đảo
1432	xatrungkhanh	Biên giới, hải đảo
1433	xatanminh	Biên giới, hải đảo
1434	xaquockhanh	Biên giới, hải đảo
1435	xaduclong	Biên giới, hải đảo
1436	thitrantalung	Biên giới, hải đảo
1437	thitranhoathuan	Biên giới, hải đảo
1438	xadaison	Biên giới, hải đảo
1439	xaquanglong	Biên giới, hải đảo
1440	xalyquoc	Biên giới, hải đảo
1441	xaminhlong	Biên giới, hải đảo
1442	xadamthuy	Biên giới, hải đảo
1443	xadinhphong	Biên giới, hải đảo
1444	xaphongnam	Biên giới, hải đảo
1445	thitranhungquoc	Biên giới, hải đảo
1446	xaquanghan	Biên giới, hải đảo
1447	xatongcot	Biên giới, hải đảo
1448	xavanan	Biên giới, hải đảo
1449	xalungnam	Biên giới, hải đảo
1450	xatruongha	Biên giới, hải đảo
1451	xacanyen	Biên giới, hải đảo
1452	xaxuantruong	Biên giới, hải đảo
1453	xakhanxuan	Biên giới, hải đảo

1454	xacoba	Biên giới, hải đảo
1455	xathuongha	Biên giới, hải đảo
1456	xacocpang	Biên giới, hải đảo
1457	xasonvi	Biên giới, hải đảo
1458	thitrandongvan	Biên giới, hải đảo
1459	xalungcu	Biên giới, hải đảo
1460	thitranphobang	Biên giới, hải đảo
1461	xathangmo	Biên giới, hải đảo
1462	xabachdich	Biên giới, hải đảo
1463	xanghiathuan	Biên giới, hải đảo
1464	xatungvai	Biên giới, hải đảo
1465	xatavan	Biên giới, hải đảo
1466	xaminhtan	Biên giới, hải đảo
1467	xathanhthuy	Biên giới, hải đảo
1468	xathanhduc	Biên giới, hải đảo
1469	xalaochai	Biên giới, hải đảo
1470	xathangtin	Biên giới, hải đảo
1471	xabanmay	Biên giới, hải đảo
1472	xaxinman	Biên giới, hải đảo
1473	xapavaysu	Biên giới, hải đảo
1474	xasimacai	Biên giới, hải đảo
1475	xaphalong	Biên giới, hải đảo
1476	xanamchay	Biên giới, hải đảo
1477	xabanlau	Biên giới, hải đảo
1478	xatrinhtuong	Biên giới, hải đảo
1479	xaamusung	Biên giới, hải đảo
1480	xayty	Biên giới, hải đảo
1481	phuonglaocai	Biên giới, hải đảo

1482	phuongduyenhai	Biên giới, hải đảo
1483	xasinsuoiho	Biên giới, hải đảo
1484	xanamxe	Biên giới, hải đảo
1485	xadaosan	Biên giới, hải đảo
1486	xasilolau	Biên giới, hải đảo
1487	xapatan	Biên giới, hải đảo
1488	xahuabum	Biên giới, hải đảo
1489	xapau	Biên giới, hải đảo
1490	xathulum	Biên giới, hải đảo
1491	xamuca	Biên giới, hải đảo
1492	xasinthau	Biên giới, hải đảo
1493	xamuongnhe	Biên giới, hải đảo
1494	xanamke	Biên giới, hải đảo
1495	xanabung	Biên giới, hải đảo
1496	xanahy	Biên giới, hải đảo
1497	xasipaphin	Biên giới, hải đảo
1498	xanasang	Biên giới, hải đảo
1499	xamuongpon	Biên giới, hải đảo
1500	xathanhnua	Biên giới, hải đảo
1501	xathanhhung	Biên giới, hải đảo
1502	xamuongnha	Biên giới, hải đảo
1503	xaphuluong	Biên giới, hải đảo
1504	xamuongleo	Biên giới, hải đảo
1505	xamuonglan	Biên giới, hải đảo
1506	xamuonghung	Biên giới, hải đảo
1507	xachiengsai	Biên giới, hải đảo
1508	xaphiengpan	Biên giới, hải đảo
1509	xaphiengkhoai	Biên giới, hải đảo

1510	xachiengson	Biên giới, hải đảo
1511	xatanxuan	Biên giới, hải đảo
1512	xabatmot	Biên giới, hải đảo
1513	xayenkhuong	Biên giới, hải đảo
1514	xatamlu	Biên giới, hải đảo
1515	xatamthanh	Biên giới, hải đảo
1516	xamuongmin	Biên giới, hải đảo
1517	xasondien	Biên giới, hải đảo
1518	xanameo	Biên giới, hải đảo
1519	xasonthuy	Biên giới, hải đảo
1520	xahienkiet	Biên giới, hải đảo
1521	xatrungly	Biên giới, hải đảo
1522	xapunhi	Biên giới, hải đảo
1523	xamuongchanh	Biên giới, hải đảo
1524	xaquangchieu	Biên giới, hải đảo
1525	xatamchung	Biên giới, hải đảo
1526	xanhison	Biên giới, hải đảo
1527	xathongthu	Biên giới, hải đảo
1528	xatrile	Biên giới, hải đảo
1529	xanhonmai	Biên giới, hải đảo
1530	xamaison	Biên giới, hải đảo
1531	xatamhop	Biên giới, hải đảo
1532	xatamquang	Biên giới, hải đảo
1533	xamyly	Biên giới, hải đảo
1534	xabacly	Biên giới, hải đảo
1535	xakengdu	Biên giới, hải đảo
1536	xanaloi	Biên giới, hải đảo
1537	xanamcan	Biên giới, hải đảo

1538	xamuongtip	Biên giới, hải đảo
1539	xanangoi	Biên giới, hải đảo
1540	xachaukhe	Biên giới, hải đảo
1541	xamonson	Biên giới, hải đảo
1542	xaphucson	Biên giới, hải đảo
1543	xahanhlam	Biên giới, hải đảo
1544	xathanhson	Biên giới, hải đảo
1545	xangoclam	Biên giới, hải đảo
1546	xasonkim1	Biên giới, hải đảo
1547	xasonkim2	Biên giới, hải đảo
1548	xasonhong	Biên giới, hải đảo
1549	xatruongson	Biên giới, hải đảo
1550	xathuongtrach	Biên giới, hải đảo
1551	xadanhoa	Biên giới, hải đảo
1552	xahoason	Biên giới, hải đảo
1553	xathanhhoa	Biên giới, hải đảo
1554	xahuonglap	Biên giới, hải đảo
1555	xahuongphung	Biên giới, hải đảo
1556	xatanlong	Biên giới, hải đảo
1557	xaadoi	Biên giới, hải đảo
1558	xahongvan	Biên giới, hải đảo
1559	xahongthai	Biên giới, hải đảo
1560	xadongson	Biên giới, hải đảo
1561	xalae	Biên giới, hải đảo
1562	xadaklong	Biên giới, hải đảo
1563	xaboy	Biên giới, hải đảo
1564	xasaloong	Biên giới, hải đảo
1565	xamorai	Biên giới, hải đảo

1566	xaiadom	Biên giới, hải đảo
1567	xaiadal	Biên giới, hải đảo
1568	xaiatoi	Biên giới, hải đảo
1569	xaiao	Biên giới, hải đảo
1570	xaiachia	Biên giới, hải đảo
1571	xaianan	Biên giới, hải đảo
1572	xaiapnon	Biên giới, hải đảo
1573	xaiapuch	Biên giới, hải đảo
1574	xaiamo	Biên giới, hải đảo
1575	xaeabung	Biên giới, hải đảo
1576	xaialop	Biên giới, hải đảo
1577	xaiarve	Biên giới, hải đảo
1578	xaquangtruc	Biên giới, hải đảo
1579	xathuanhanh	Biên giới, hải đảo
1580	xathuanan	Biên giới, hải đảo
1581	xadakwil	Biên giới, hải đảo
1582	xalochanh	Biên giới, hải đảo
1583	xaloctan	Biên giới, hải đảo
1584	xalocan	Biên giới, hải đảo
1585	xahungphuoc	Biên giới, hải đảo
1586	xathienhung	Biên giới, hải đảo
1587	xatantien	Biên giới, hải đảo
1588	xabugiamap	Biên giới, hải đảo
1589	xatanhoa	Biên giới, hải đảo
1590	xatandong	Biên giới, hải đảo
1591	xatanlap	Biên giới, hải đảo
1592	xatanbinh	Biên giới, hải đảo
1593	xahoahiep	Biên giới, hải đảo

1594	xaphuocvinh	Biên giới, hải đảo
1595	xahoahoi	Biên giới, hải đảo
1596	xaninhdien	Biên giới, hải đảo
1597	xalongphuoc	Biên giới, hải đảo
1598	xalongkhanh	Biên giới, hải đảo
1599	xalongthuan	Biên giới, hải đảo
1600	xabinhthanh	Biên giới, hải đảo
1601	xaphuocchi	Biên giới, hải đảo
1602	xatanhiep	Biên giới, hải đảo
1603	xathanhtri	Biên giới, hải đảo
1604	xabinhhiep	Biên giới, hải đảo
1605	xabinhtan	Biên giới, hải đảo
1606	xatuyenbinh	Biên giới, hải đảo
1607	xakhanhhung	Biên giới, hải đảo
1608	xahungha	Biên giới, hải đảo
1609	xahungdien	Biên giới, hải đảo
1610	xatanhoco	Biên giới, hải đảo
1611	xabinhphe	Biên giới, hải đảo
1612	xatanhoi	Biên giới, hải đảo
1613	xavinhxuong	Biên giới, hải đảo
1614	xaphuloc	Biên giới, hải đảo
1615	xaphuhuu	Biên giới, hải đảo
1616	xakhanhan	Biên giới, hải đảo
1617	thitranlongbinh	Biên giới, hải đảo
1618	xakhanhbinh	Biên giới, hải đảo
1619	xanhonhoi	Biên giới, hải đảo
1620	xaanphu	Biên giới, hải đảo
1621	thitraninhbien	Biên giới, hải đảo

1622	xaannong	Biên giới, hải đảo
1623	xavinhgia	Biên giới, hải đảo
1624	xamyduc	Biên giới, hải đảo
1625	xaphumy	Biên giới, hải đảo
1626	xavinhdieu	Biên giới, hải đảo
1627	xavinhphu	Biên giới, hải đảo
1628	thanhphomongcai	Biên giới, hải đảo
1629	thanhpholaocai	Biên giới, hải đảo
1630	thanhphochaudoc	Biên giới, hải đảo
1631	dackhubachlongvi	Biên giới, hải đảo
1632	dackhucathai	Biên giới, hải đảo
1633	dackhucondao	Biên giới, hải đảo
1634	dackhuhoangsa	Biên giới, hải đảo
1635	dackhukienhai	Biên giới, hải đảo
1636	dackhuphuquoc	Biên giới, hải đảo
1637	dackhuthochau	Biên giới, hải đảo
1638	dackhutruongsa	Biên giới, hải đảo
1639	dackhuphuquy	Biên giới, hải đảo
1640	dackhulyson	Biên giới, hải đảo
1641	dackhucoto	Biên giới, hải đảo
1642	dackhuvandon	Biên giới, hải đảo
1643	dackhuconco	Biên giới, hải đảo
1644	bắcninh	Tên tỉnh, thành
1645	bắc-ninh	Tên tỉnh, thành
1646	càmau	Tên tỉnh, thành
1647	cà-mau	Tên tỉnh, thành
1648	cânthơ	Tên tỉnh, thành
1649	cân-thơ	Tên tỉnh, thành

1650	caobằng	Tên tỉnh, thành
1651	cao-bằng	Tên tỉnh, thành
1652	đắclắc	Tên tỉnh, thành
1653	đắc-lắc	Tên tỉnh, thành
1654	đắclắk	Tên tỉnh, thành
1655	đắc-lắk	Tên tỉnh, thành
1656	đắklắc	Tên tỉnh, thành
1657	đắc-lắc	Tên tỉnh, thành
1658	đắklắk	Tên tỉnh, thành
1659	đắc-lắk	Tên tỉnh, thành
1660	đắklắk	Tên tỉnh, thành
1661	đắc-lắk	Tên tỉnh, thành
1662	đànắng	Tên tỉnh, thành
1663	đà-nắng	Tên tỉnh, thành
1664	điệnbiên	Tên tỉnh, thành
1665	điện-biên	Tên tỉnh, thành
1666	đồgnai	Tên tỉnh, thành
1667	đồng-nai	Tên tỉnh, thành
1668	đồngtháp	Tên tỉnh, thành
1669	đồng-tháp	Tên tỉnh, thành
1670	hảiphòng	Tên tỉnh, thành
1671	hải-phòng	Tên tỉnh, thành
1672	hànội	Tên tỉnh, thành
1673	hà-nội	Tên tỉnh, thành
1674	hàttĩnh	Tên tỉnh, thành
1675	hà-tĩnh	Tên tỉnh, thành
1676	hưngyên	Tên tỉnh, thành
1677	hưng-yên	Tên tỉnh, thành

1678	khánhhoà	Tên tỉnh, thành
1679	khánh-hoà	Tên tỉnh, thành
1680	khánhhòa	Tên tỉnh, thành
1681	khánh-hòa	Tên tỉnh, thành
1682	laichâu	Tên tỉnh, thành
1683	lai-châu	Tên tỉnh, thành
1684	lâmđồng	Tên tỉnh, thành
1685	lâm-đồng	Tên tỉnh, thành
1686	lạngson	Tên tỉnh, thành
1687	lạng-son	Tên tỉnh, thành
1688	laòcai	Tên tỉnh, thành
1689	làocai	Tên tỉnh, thành
1690	lào-cai	Tên tỉnh, thành
1691	ngêan	Tên tỉnh, thành
1692	ngê-an	Tên tỉnh, thành
1693	ninhbình	Tên tỉnh, thành
1694	ninh-bình	Tên tỉnh, thành
1695	phúthọ	Tên tỉnh, thành
1696	phú-thọ	Tên tỉnh, thành
1697	quảngngãi	Tên tỉnh, thành
1698	quảng-ngãi	Tên tỉnh, thành
1699	quảngninh	Tên tỉnh, thành
1700	quảng-ninh	Tên tỉnh, thành
1701	quảngtrị	Tên tỉnh, thành
1702	quảng-trị	Tên tỉnh, thành
1703	sonla	Tên tỉnh, thành
1704	son-la	Tên tỉnh, thành
1705	tây-ninh	Tên tỉnh, thành

1706	tháinguyên	Tên tỉnh, thành
1707	thái-nguyên	Tên tỉnh, thành
1708	thanhhoá	Tên tỉnh, thành
1709	thanh-hoá	Tên tỉnh, thành
1710	thanhhoa	Tên tỉnh, thành
1711	thanh-hóa	Tên tỉnh, thành
1712	thànhphốcầnthơ	Tên tỉnh, thành
1713	thànhphốcần-thơ	Tên tỉnh, thành
1714	thànhphốđànăng	Tên tỉnh, thành
1715	thànhphốđà-năng	Tên tỉnh, thành
1716	thànhphốhảiphòng	Tên tỉnh, thành
1717	thànhphốhải-phòng	Tên tỉnh, thành
1718	thànhphốhànnội	Tên tỉnh, thành
1719	thànhphốhà-nội	Tên tỉnh, thành
1720	thànhphốhồchíminh	Tên tỉnh, thành
1721	thủđôhànnội	Tên tỉnh, thành
1722	tỉnhbắcninh	Tên tỉnh, thành
1723	tỉnhbắc-ninh	Tên tỉnh, thành
1724	tỉnhcàmau	Tên tỉnh, thành
1725	tỉnhcà-mau	Tên tỉnh, thành
1726	tỉnhcaobằng	Tên tỉnh, thành
1727	tỉnhcao-bằng	Tên tỉnh, thành
1728	tỉnhđắclắ	Tên tỉnh, thành
1729	tỉnhđắc-lắ	Tên tỉnh, thành
1730	tỉnhđắclắ	Tên tỉnh, thành
1731	tỉnhđắc-lắ	Tên tỉnh, thành
1732	tỉnhđắklắ	Tên tỉnh, thành
1733	tỉnhđắk-lắ	Tên tỉnh, thành

1734	tinhđăklăk	Tên tỉnh, thành
1735	tinhđăk-lăk	Tên tỉnh, thành
1736	tinhđăklăk	Tên tỉnh, thành
1737	tinhđăk-lăk	Tên tỉnh, thành
1738	tinhđiệnbiên	Tên tỉnh, thành
1739	tinhđiện-biên	Tên tỉnh, thành
1740	tinhđôngnai	Tên tỉnh, thành
1741	tinhđông-nai	Tên tỉnh, thành
1742	tinhđôngtháp	Tên tỉnh, thành
1743	tinhđông-tháp	Tên tỉnh, thành
1744	tinhgialai	Tên tỉnh, thành
1745	tinhhàtĩnh	Tên tỉnh, thành
1746	tinhhà-tĩnh	Tên tỉnh, thành
1747	tinhhungyên	Tên tỉnh, thành
1748	tinhhung-yên	Tên tỉnh, thành
1749	tinhkhánhhoà	Tên tỉnh, thành
1750	tinhkhánh-hoà	Tên tỉnh, thành
1751	tinhkhánhhòa	Tên tỉnh, thành
1752	tinhkhánh-hòa	Tên tỉnh, thành
1753	tinhlâm-đông	Tên tỉnh, thành
1754	tinhlangson	Tên tỉnh, thành
1755	tinhlang-sơn	Tên tỉnh, thành
1756	tinhlaòcai	Tên tỉnh, thành
1757	tinhlaòcai	Tên tỉnh, thành
1758	tinhlaò-cai	Tên tỉnh, thành
1759	tinhnghêan	Tên tỉnh, thành
1760	tinhnghệ-an	Tên tỉnh, thành
1761	tinhninhbình	Tên tỉnh, thành

1762	tỉnhninh-bình	Tên tỉnh, thành
1763	tỉnhphúthọ	Tên tỉnh, thành
1764	tỉnhphú-thọ	Tên tỉnh, thành
1765	tỉnhphúyên	Tên tỉnh, thành
1766	tỉnhquảngngãi	Tên tỉnh, thành
1767	tỉnhquảng-ngãi	Tên tỉnh, thành
1768	tỉnhquảngngãi	Tên tỉnh, thành
1769	tỉnhquảngninh	Tên tỉnh, thành
1770	tỉnhquảng-ninh	Tên tỉnh, thành
1771	tỉnhquảngtrị	Tên tỉnh, thành
1772	tỉnhquảng-trị	Tên tỉnh, thành
1773	tỉnhsonla	Tên tỉnh, thành
1774	tỉnhson-la	Tên tỉnh, thành
1775	tỉnhtâyninh	Tên tỉnh, thành
1776	tỉnhtây-ninh	Tên tỉnh, thành
1777	tỉnhtháinguyên	Tên tỉnh, thành
1778	tỉnhthái-nguyên	Tên tỉnh, thành
1779	tỉnhthanhhoá	Tên tỉnh, thành
1780	tỉnhthanh-hoá	Tên tỉnh, thành
1781	tỉnhthanhhoa	Tên tỉnh, thành
1782	tỉnhthanh-hóa	Tên tỉnh, thành
1783	tỉnhtuyênquang	Tên tỉnh, thành
1784	tỉnhtuyên-quang	Tên tỉnh, thành
1785	tỉnhvĩnhlong	Tên tỉnh, thành
1786	tỉnhvĩnh-long	Tên tỉnh, thành
1787	tỉnhvĩnhphúc	Tên tỉnh, thành
1788	tỉnhvĩnh-phúc	Tên tỉnh, thành
1789	tpđàn~ng	Tên tỉnh, thành

1790	tpđà-nắg	Tên tỉnh, thành
1791	tphảiphòng	Tên tỉnh, thành
1792	tphải-phòng	Tên tỉnh, thành
1793	tphànội	Tên tỉnh, thành
1794	tphà-nội	Tên tỉnh, thành
1795	tphôchíminh	Tên tỉnh, thành
1796	tuyênquang	Tên tỉnh, thành
1797	việt-nam	Tên tỉnh, thành
1798	vĩnhlong	Tên tỉnh, thành
1799	vĩnh-long	Tên tỉnh, thành
1800	biason	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1801	bodoibienphongvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1802	bodoibienphong-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1803	bodoi-bienphong-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1804	Bộidộibiênphòngviệtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1805	Bộidộibiênphòng-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1806	Bộidội-Biênphòng-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1807	canhsatbienvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1808	canhsatbien-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1809	Cảnhsátbiênvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1810	Cảnhsátbiên-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1811	congannhandanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1812	congannhandan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1813	congan-nhandan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1814	Côngannhândânvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1815	Côngannhândân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1816	Côngân-Nhândân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1817	chinhphu	An ninh, quốc phòng, ngoại giao

1818	dangcongsanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1819	giotohungvuong	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1820	haiquanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1821	haiquan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1822	Hảiquânvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1823	Hảiquân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1824	khmerkampuchiakrom	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1825	lucquanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1826	lucquan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1827	Lụcquânvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1828	Lụcquân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1829	phongkhongkhongquanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1830	phongkhong-khongquanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1831	phongkhong-khongquan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1832	Phòngkhôngkhôngquânvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1833	Phòngkhông-Khôngquânvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1834	Phòngkhông-Khôngquân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1835	quandoinhandanvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1836	quandoinhandan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1837	quandoi-nhandan-vietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1838	Quânđộinhândânvietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1839	Quânđộinhândân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1840	Quânđội-Nhândân-Việtnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1841	quochoi	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1842	Quốchộivietnam	An ninh, quốc phòng, ngoại giao
1843	Việtnam	Tên quốc gia
1844	ho-chi-minh	Danh nhân
1845	hồchíminh	Danh nhân

1846	hochiminh	Danh nhân
1847	hungvuong	Danh nhân
1848	haibatrung	Danh nhân
1849	lynamde	Danh nhân
1850	ngoquyen	Danh nhân
1851	dinhbolinh	Danh nhân
1852	lehoan	Danh nhân
1853	lyconguan	Danh nhân
1854	lythuongkiet	Danh nhân
1855	tranhantong	Danh nhân
1856	tranhungdao	Danh nhân
1857	leloi	Danh nhân
1858	nguyentrai	Danh nhân
1859	quangtrung	Danh nhân
1860	nguyendu	Danh nhân
1861	chuvanan	Danh nhân
1862	nguyendinhchieu	Danh nhân
1863	hoxuanhuong	Danh nhân
1864	haithuonglanonglehuutruc	Danh nhân
1865	quantheditichcodohue	Di sản UNESCO công nhận
1866	codohue	Di sản UNESCO công nhận
1867	vinhhalong	Di sản UNESCO công nhận
1868	dothicohoian	Di sản UNESCO công nhận
1869	ditichthanhdiamyson	Di sản UNESCO công nhận
1870	vuonquocgiaphongnhakebang	Di sản UNESCO công nhận
1871	khutrungtamhoangthanhthanglong	Di sản UNESCO công nhận
1872	hoangthanhthanglong	Di sản UNESCO công nhận
1873	thanhnhaho	Di sản UNESCO công nhận

1874	quanthedanhthangtrangan	Di sản UNESCO công nhận
1875	nhanhaccungdinhhue	Di sản UNESCO công nhận
1876	cungdinhhue	Di sản UNESCO công nhận
1877	khonggianvanhoacongchiengtaynguyen	Di sản UNESCO công nhận
1878	congchiengtaynguyen	Di sản UNESCO công nhận
1879	dancaquanhobacninh	Di sản UNESCO công nhận
1880	hatcatru	Di sản UNESCO công nhận
1881	hoigiongodenphudongvadensoc	Di sản UNESCO công nhận
1882	hatxoanphutho	Di sản UNESCO công nhận
1883	tinnguonthocunghungvuong	Di sản UNESCO công nhận
1884	ngethystuatdoncataitunambo	Di sản UNESCO công nhận
1885	dancavigiamnghetinh	Di sản UNESCO công nhận
1886	ngihiletrochoikeoco	Di sản UNESCO công nhận
1887	thuchanhtinnguonthomautamphucuanguoiviet	Di sản UNESCO công nhận
1888	baichoitrungbo	Di sản UNESCO công nhận
1889	thuchanhthencuanguoitay	Di sản UNESCO công nhận
1890	thuchanhthencuanguoithai	Di sản UNESCO công nhận
1891	thuchanhthencuanguoinung	Di sản UNESCO công nhận
1892	muaxoenguoithai	Di sản UNESCO công nhận
1893	ngethystuatlamgomcham	Di sản UNESCO công nhận
1894	mocbantrieunguyen	Di sản UNESCO công nhận
1895	chaubantrieunguyen	Di sản UNESCO công nhận
1896	mocbankinhphatchuavinhnghiem	Di sản UNESCO công nhận
1897	hethongvanthotrenkientruccungdinhhue	Di sản UNESCO công nhận
1898	mocbantruonghocphucgiang	Di sản UNESCO công nhận
1899	hoanghoasutrinhdo	Di sản UNESCO công nhận
1900	khudutrusinhquyenrungngapmancangio	Di sản UNESCO công nhận
1901	khudutrusinhquyenrungngapmandongnai	Di sản UNESCO công nhận

1902	khudutrusinhquyenchaosonghong	Di sản UNESCO công nhận
1903	khudutrusinhquyencatba	Di sản UNESCO công nhận
1904	khudutrusinhquyenkiengiang	Di sản UNESCO công nhận
1905	khudutrusinhquyentaynghean	Di sản UNESCO công nhận
1906	khudutrusinhquyenculaocham	Di sản UNESCO công nhận
1907	khudutrusinhquyenmuicamau	Di sản UNESCO công nhận
1908	khudutrusinhquyenlangbiang	Di sản UNESCO công nhận
1909	caonguyendadongvan	Di sản UNESCO công nhận
1910	nonnuoccaobang	Di sản UNESCO công nhận
1911	tranthanhman	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1912	dovanchien	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1913	nguyenkhacdinh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1914	nguyenthithanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1915	nguyenhongdien	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1916	nguyenthihong	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1917	nguyendoananh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1918	leminhhung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1919	phamgiatuc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1920	phanvangiang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1921	phamthithanhtra	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1922	hoquocdung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1923	nguyenvanthang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1924	letienchau	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1925	tolam	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1926	vothianhxuan	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1927	trancamtu	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1928	buithiminhhoai	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1929	luongtamquang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1930	nguyenduyngoc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1931	nguyentrongnghia	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1932	trinhvanquyet	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1933	lehoaitrung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1934	leminhtri	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1935	tranluuquang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1936	transythan	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1937	nguyenthahnghi	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1938	doanminhhuan	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1939	tranducthang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1940	nguyenvanquang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1941	nguyenhoabinh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1942	tran-thanh-man	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1943	do-van-chien	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1944	nguyen-khac-dinh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1945	nguyen-thi-thanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1946	nguyen-hong-dien	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1947	nguyen-thi-hong	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1948	nguyen-doan-anh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1949	le-minh-hung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1950	pham-gia-tuc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1951	phan-van-giang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1952	pham-thi-thanh-tra	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1953	ho-quoc-dung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1954	nguyen-van-thang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1955	le-tien-chau	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1956	to-lam	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1957	vo-thi-anh-xuan	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1958	tran-cam-tu	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1959	bui-thi-minh-hoai	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1960	luong-tam-quang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1961	nguyen-duy-ngoc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1962	nguyen-trong-nghia	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1963	trinh-van-quyet	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1964	le-hoai-trung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1965	le-minh-tri	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1966	tran-luu-quang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1967	tran-sy-thanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1968	nguyen-thanh-nghi	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1969	doan-minh-huan	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1970	tran-duc-thang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1971	nguyen-van-quang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1972	nguyen-hoa-binh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1973	trần-thanh-mẫn	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1974	đỗ-văn-chiến	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1975	nguyễn-khắc-định	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1976	nguyễn-thị-thanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1977	nguyễn-hồng-diên	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1978	nguyễn-thị-hồng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1979	nguyễn-doãn-anh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1980	lê-minh-hưng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1981	phạm-gia-túc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1982	phan-văn-giang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1983	phạm-thị-thanh-trà	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1984	hồ-quốc-dũng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1985	nguyễn-văn-thắng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1986	lê-tiến-châu	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1987	tô-lâm	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1988	võ-thị-ánh-xuân	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1989	trần-cầm-tú	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1990	bùi-thị-minh-hoài	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1991	lương-tam-quang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1992	nguyễn-duy-ngọc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1993	nguyễn-trọng-nghĩa	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1994	trình-văn-quyết	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1995	lê-hoài-trung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1996	lê-minh-trí	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1997	trần-lưu-quang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

1998	trần-sỹ-thanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
1999	nguyễn-thanh-nghị	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2000	đoàn-minh-huấn	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2001	trần-đức-thắng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2002	nguyễn-văn-quảng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2003	nguyễn-hòa-bình	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2004	trầnthanhmẫn	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2005	đỗvănchiến	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2006	nguyễnkhắcđịnh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2007	nguyễnthịthanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2008	nguyễnhòngdiên	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2009	nguyễnthịhồng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2010	nguyễndoãnanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

2011	lêminhhưng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2012	phạmgiatúc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2013	phanvăngiang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2014	phạmthịthanhrà	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2015	hồquôcdũng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2016	nguyễnvãnthắng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2017	lêtiêrchâu	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2018	tôlâm	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2019	võthịánhxuân	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2020	trầncẩmtú	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2021	bùithịminhhoài	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2022	lươngtamquang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2023	nguyễnduynngọc	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ

2024	nguyễntrọngnghĩa	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2025	trìnhvănquyết	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2026	lêhoàitrung	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2027	lêminhtrí	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2028	trầnlừquang	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2029	trầnsỹthanh	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2030	nguyễnthanhngị	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2031	đoànminhhuân	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2032	trầnđứcthắng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2033	nguyễnvănquảng	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2034	nguyễnhòabình	Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, MTTQ
2035	banchaphanhtrunguongdang	
2036	banchaphanhtwdang	
2037	bchtwd	
2038	bochinhtri	
2039	Boct	

2040	bct	
2041	Banbithu	
2042	banbt	
2043	bbt	
2044	comunistpatry	
2045	ncc	
2046	oog	
2047	(*)	(*) Các tên miền khác do Trung tâm Internet Việt Nam giữ chỗ, bảo vệ để đảm bảo công tác quản lý đăng ký, sử dụng tên miền tại Việt Nam.